

**Xin đặc biệt lưu ý:**  
**Đây là bản nháp, chỉ dùng để thảo luận**  
**trong Hội Thảo Hè ở Nantes (Pháp)**  
**Bản cuối cùng, sau khi tu chỉnh,**  
**sẽ được đăng trên tạp chí Thời Đại Mới**

## QUAN HỆ HỢP TÁC CẠNH TRANH GIỮA TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ TRONG THẾ GIỚI ĐA CỰC

Đỗ Tuyết Khanh

Thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của châu Á. Đó là câu thường gặp trong các bài phân tích tình hình kinh tế và chính trị quốc tế hiện nay. Và cũng thường đi kèm với câu này là một nhận định cụ thể hơn và dựa trên một cái nhìn rộng hơn : chúng ta đang đi đến một thế giới đa cực, trong đó Tây phương, đặc biệt là Mỹ, sẽ không còn đương nhiên thống trị thế giới như trong những thế kỷ qua mà sẽ phải tranh giành (thậm chí có thể mất) vị trí ấy với những nước mới nổi lên (*emerging countries*), đặc biệt là hai ông khổng lồ của châu Á, Trung Quốc và Ấn Độ. Đã xa lắm rồi thế giới lưỡng cực của thời chiến tranh lạnh, chia đôi giữa hai khối, tư bản chủ nghĩa, do Mỹ dẫn đầu, và xã hội chủ nghĩa, dưới sự chỉ huy của Liên Xô. Hình ảnh một thế giới "đơn cực", với một siêu cường quốc duy nhất chế ngự toàn cầu (Mỹ) sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa sụp đổ, cũng dần dà tan biến với sự thất bại và sa lầy của Mỹ ở Iraq. Lịch sử không chấm dứt như Francis Fukuyama đã vội vàng tuyên bố mà trái lại còn dành cho mọi người trên trái đất nhiều ngõ ngàng trước những chuyển biến bất ngờ, đặt ra lắm câu hỏi và cho phép đủ loại tiên đoán khác nhau.

Song những phân tích hay tiên đoán đều thống nhất trên một điểm: sự phát triển mãnh liệt và vai trò ngày càng quan trọng của Trung Quốc và Ấn Độ sẽ và đã bắt đầu thay đổi cục diện thế giới và tương quan lực lượng giữa các nước. Với tầm vóc ngang ngửa nhau về bề thế và tiềm năng kinh tế, hai nước này vừa giống nhau ở một số điểm chung vừa bổ sung cho nhau ở những điểm khác biệt. Cả hai đều có truyền thống văn hoá lâu đời, cùng có tham vọng trở thành siêu cường quốc hay đúng hơn, theo họ, là trở lại với vị trí độc tôn ngày trước mà lịch sử cận đại đã "lấy" mất của họ. Là láng giềng, họ từ lâu có một quan hệ phức tạp, lúc hoà dịu lúc căng thẳng theo diễn tiến của tình hình thế giới. Câu hỏi đặt ra trong bối cảnh thế giới đa cực đang hình thành: hai ông khổng lồ này là bạn hay là đối thủ nhiều hơn, quan hệ giữa họ ngã về hợp tác nhiều hơn hay cạnh tranh là chính?

Trong cuộc chạy đua kinh tế, Trung Quốc và Ấn Độ là hai "hiện tượng" thu hút dư luận, và tất nhiên có sự so sánh : hai nước này giống nhau, khác nhau thế nào, ai mạnh hơn ai, và nếu họ liên kết thì ảnh hưởng lên các nước khác thế nào ?

## **Những điểm chung của con voi Ấn Độ và con rồng Trung Quốc**

Điểm chung đầu tiên tất nhiên là số dân: Trung Quốc với 1,3 tỉ người và Ấn Độ với 1,1 tỉ là hai nước đông dân nhất thế giới. Cộng lại, họ chiếm 37% , tức hơn một phần ba, dân số thế giới. Song, trong cả hai nước, tăng trưởng dân số đã chậm lại; theo các dự đoán, dân số Trung Quốc sẽ đạt đỉnh cao nhất vào năm 2032 và sẽ giảm đi sau đó. Chiều hướng này cũng đã rõ nét ở Ấn Độ và sẽ tiếp tục cho đến năm 2040, lúc ấy Ấn Độ sẽ đông dân hơn Trung Quốc.

Điểm chung khác, và cũng hay được nhắc đến nhiều nhất, là đà phát triển vượt bậc của hai nước trong những thập niên gần đây, khiến cả hai đi đôi trong những lo lắng của các nước khác trước viễn tượng bị lấn áp trong cuộc chạy đua kinh tế toàn cầu. Theo thống kê của Ngân hàng Thế giới, trong suốt thập niên 1995-2004, khi mức tăng trưởng GDP bình quân hàng năm của thế giới là 3% và Mỹ, với tỉ lệ cao nhất của các nước phát triển phương Tây, cũng chỉ đạt 3,3%, không nói đến Nhật (1,2%) và Đức (1,5%), Trung Quốc tăng nhanh gấp ba lần (9,1%) và Ấn Độ gấp hai lần (6,1%). Song, hơn cả các thành quả hiện nay, cái làm thế giới đặc biệt e dè là tiềm năng to lớn cho phép hai nước này tiếp tục trên đà ấy để tiến tới mục tiêu không cần che dấu là thống lĩnh trên nhiều mặt, không những kinh tế mà cả chính trị, quân sự. Một thí dụ thôi đủ cho thấy lý do của sự e ngại đó: Trung Quốc như Ấn Độ không chỉ hài lòng với lợi thế cạnh tranh cổ hữu (nhân công dồi dào và rẻ) mà còn nhắm đi xa hơn, để sản xuất những mặt hàng cao cấp và thâm nhập những hoạt động có giá trị gia tăng. Trong 20 năm qua, Trung Quốc và Ấn Độ dồn nỗ lực cải tiến giáo dục cơ sở và đào tạo chuyên môn. Năm 2005, số người tốt nghiệp đại học lên đến 2,5 triệu ở Ấn Độ (trong đó 10% là kỹ sư) và 3,4 triệu ở Trung Quốc. Tuy chưa đến 10% con số này ở Trung Quốc là có đủ trình độ đáp ứng những đòi hỏi của các công ti quốc tế lớn, nhưng sự phát triển liên tục cả về phẩm lẫn lượng của đội ngũ lao động là một trong những công cụ phục vụ tham vọng trung và dài hạn của hai nước.

Song cũng có những yếu tố có thể là trở lực cho tham vọng này và những yếu tố ấy cũng chung cho Trung Quốc và Ấn Độ. Ba vấn đề chính thường được nêu lên ở đây là: các nhu cầu khổng lồ về nguyên liệu và năng lượng để tiếp tục phát triển, vấn đề môi trường, và nguy cơ khủng hoảng xã hội và chính trị do sự phân hoá ngày càng sâu đậm giữa các tầng lớp xã hội và các địa phương (nông thôn/thành thị, và ở Trung Quốc vùng ven biển trải dài từ bắc Kinh tới Quảng Đông /các vùng xa xôi trong lục địa).

Trung Quốc hiện chiếm khoảng 12% tổng số năng lượng tiêu thụ trên thế giới, là nước thứ nhì sau Mỹ. Ấn Độ, với khoảng 5%, đứng hàng thứ sáu. Trước viễn tượng trữ lượng dầu hoả đang cạn dần, các nguồn năng lượng khác chưa đủ đáp ứng nhu cầu của thế giới, năng lượng trở thành mối quan tâm hàng đầu của mọi nước, riêng đối với Trung Quốc và Ấn Độ là cả vấn đề sống còn và mục tiêu chiến lược. Gắn liền với năng lượng là ảnh hưởng lên môi sinh của sự phát triển ồ ạt của Trung Quốc và Ấn Độ, không chỉ tác hại lên môi trường nội địa mà còn có hậu quả xuyên biên giới. Tại một số nơi ở California (Mỹ) đã có dấu vết của những trận mưa a-xít xuất phát từ Trung Quốc, bên kia Thái Bình Dương. Mỹ là nước thải ra nhiều khí carbon dioxide nhất trong khí quyển, Trung Quốc hiện đang đứng hạng nhì nhưng sẽ qua mặt Mỹ trong 10 năm nữa nếu cứ tiếp

tục gia tăng tiêu thụ than đá như hiện nay. Lượng thán khí thải ra ở Ấn Độ chỉ bằng một phần tư ở Trung Quốc nhưng cũng trên đà tăng nhanh. Trung Quốc hiện "đóng góp" 17% và Ấn Độ 5% vào lượng thán khí thải là nguyên nhân chính của sự kiện hâm nóng địa cầu. Song tỉ lệ cộng chung của hai nước này sẽ lên đến 50% năm 2050, nếu không có những biện pháp làm sạch nhà máy và tiết kiệm năng lượng.

Một vấn đề môi sinh cấp bách khác là nước. Ở Trung Quốc có tới 400 trên 660 thành phố lớn nhất bị thiếu nước, trong đó hơn một phần ba là thiếu trầm trọng. Hơn nửa các hồ lớn bị ô nhiễm, chỉ 20% dân số cả nước là được uống nước sạch, và hơn một phần tư dân số phải dùng nước bị nhiễm nặng. Ở Ấn Độ vấn đề nhẹ hơn (một phần vì mức kỹ nghệ hoá và đô thị hoá thấp hơn) nhưng trong nhiều vùng, kể cả các thành phố lớn, sự khan hiếm nước đã bắt đầu đáng lo và độ ô nhiễm các luồng nước ngầm và sông rạch do thuốc trừ sâu và phân hoá học cũng gia tăng.

Ô nhiễm môi trường không chỉ là một vấn nạn xã hội và y tế công cộng (theo ước đoán, số người chết hàng năm ở Trung Quốc vì ô nhiễm không khí là 400 000 người – thậm chí 750 000 người theo một báo cáo của Ngân hàng Thế giới công bố đầu tháng 7 năm nay và bị Bộ Y tế Trung Quốc cực lực phản đối - và hơn 100 000 người ở Ấn Độ), mà còn có thể cản trở hoạt động kinh tế. Đã có một số công ti quốc tế quyết định chọn nước khác để đầu tư thay vì Trung Quốc vì lý do chính là cần một môi trường sạch cho nhân viên và sản phẩm của mình.

Những vấn đề xã hội và chính trị cũng có thể là một trở lực quan trọng : sự phân hoá giàu nghèo và giữa các địa phương đe dọa trật tự xã hội, nạn tham nhũng và những mâu thuẫn trong bộ máy cai trị (ở Trung Quốc các chính quyền địa phương bất phục tùng luật lệ của cả nước và chỉ thị của trung ương, ở Ấn Độ chính sách kinh tế ít nhất quán vì có thể thay đổi theo đảng cầm quyền và bị chi phối bởi các thế lực đối lập nhau) cũng gây nhiều khó khăn phải giải quyết.

### **So sánh thực lực và tiềm năng kinh tế của mỗi bên**

Nhìn chung, Ấn Độ hiện nay còn thua xa Trung Quốc: ngoài tốc độ tăng trưởng (6%) chỉ bằng hai phần ba Trung Quốc (9-10%), GDP per capita ( tính theo đầu người) của Ấn Độ cũng chỉ đạt 640 USD so với 1 490 USD của Trung Quốc trong năm 2005, tuy rằng tính theo sức mua tương đương (*power purchase parity* - PPP) thì khoảng cách nhỏ hơn nhiều : 3 139 USD cho Ấn Độ so với 4 101 USD cho Trung Quốc trong năm 2004. Về mặt thương mại, Trung Quốc cũng bỏ xa Ấn Độ: theo thống kê của Tổ chức Thương Mại Thế giới (WTO) cho các luồng trao đổi hàng hoá năm 2005, Trung Quốc đứng hạng ba trên thế giới về cả nhập khẩu (với 660 tỉ USD) lẫn xuất khẩu (762 tỉ USD), trong khi Ấn Độ đứng hạng 17 cho nhập khẩu (134,8 tỉ USD) và 29 cho xuất khẩu (95,1 tỉ USD). Nói cách khác, Trung Quốc xuất gấp 8 lần Ấn Độ và nhập gấp 5 lần. Thị phần của Trung Quốc (7,3% thị trường hàng hoá thế giới) cũng gấp 8 lần thị phần của Ấn Độ (0,9%).

Về dịch vụ, khoảng cách nhỏ hơn tuy Trung Quốc cũng dẫn đầu cả cho xuất khẩu (hạng 9 trên thế giới và 73,9 tỉ USD) lẫn nhập khẩu (hạng 7 và 83,2 tỉ USD) so với Ấn Độ, hạng 11 và 56 tỉ USD cho xuất khẩu, hạng 13 và 52 tỉ USD cho nhập khẩu.

Trên bình diện kinh tế, con voi Ấn Độ như thế còn bé lắm so với con rồng Trung Quốc. Lý do chính là Ấn Độ đã chậm 13 năm so với Trung Quốc trong việc mở cửa và cải cách kinh tế là động cơ cho sự phát triển của hai nước. Ấn Độ chỉ mới từ bỏ chính sách tự lực tự cường, phát triển sản xuất nội địa để thay thế nhập khẩu, vào đầu thập niên 1990, khi lâm vào khủng hoảng vì mất đối tác chính là Liên Xô với sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. Trong khi đó, Trung Quốc đã bắt đầu cải tổ kinh tế từ năm 1978 với chính sách mở cửa của Đặng Tiểu Bình, và liên tục phát triển mạnh liệt từ lúc đó.

Nhìn rộng hơn, một vài tham số khác cũng cho thấy Ấn Độ còn thua Trung Quốc nhiều. Theo báo cáo của tổ chức United Nations Development Programme (UNDP) về phát triển con người (*Human Development Report 2006*), trên 177 nước sắp hạng theo chỉ số phát triển con người (*human development index - HDI*), dựa trên các số liệu về tuổi thọ, tỉ lệ biết chữ và nhập học, cả hai nước thuộc loại trung bình nhưng Trung Quốc (hạng 81) đứng trên Ấn Độ (hạng 126). So với 2 năm trước (báo cáo 2004), khoảng cách giữa hai nước đào sâu thêm, Trung Quốc nhảy từ hạng 94 lên 81, trong khi Ấn Độ chỉ nhích được một bậc (127 lên 126). Với hạng 34, Trung Quốc cũng trội hơn Ấn Độ (hạng 48) cho chỉ số nghèo về con người (*human poverty index - HPI*). Trong khoảng thời gian 1990-2002, trung bình tỉ lệ dân số có thu nhập hàng ngày dưới 1 USD là 16,6% ở Trung Quốc và 34,7% ở Ấn Độ, tức là Ấn Độ không những nghèo hơn Trung Quốc mà còn đi chậm hơn trong việc xoá đói giảm nghèo. Điều đáng để ý là Việt Nam, với hạng 109 cho chỉ số HDI và 80 cho chỉ số HPI và tỉ lệ nghèo 20%, đứng giữa hai nước, sau Trung Quốc nhưng trước Ấn Độ.

Tuy nói chung Ấn Độ còn kém Trung Quốc về nhiều mặt, vẫn có nhiều phân tích dự đoán là Ấn Độ sẽ bắt kịp Trung Quốc trong chỉ vài chục năm nữa hay sớm hơn, nhờ một số lợi điểm.

Ấn Độ là một nước có truyền thống dân chủ, dựa trên nhà nước pháp quyền, và dẫu bộ máy hành pháp còn chậm chạp và khiếm khuyết, đối với các nhà đầu tư bên ngoài là một khung pháp lý ổn định hơn, một môi trường hoạt động đáng tin cậy hơn, đặc biệt là về mặt bảo vệ sở hữu và tri thức. Một thí dụ : công ti Timken, một trong những công ti sản xuất dây chuyền kỹ nghệ lớn nhất thế giới, có bốn phân xưởng tại Trung Quốc với doanh số hàng năm là 100 triệu USD, nhưng lại chọn Ấn Độ để thiết lập trung tâm kỹ thuật, vì cảm thấy yên tâm hơn trong việc bảo vệ tri thức.

Ngược lại, Trung Quốc vẫn là một chế độ độc tài, đảng trị và đối với bên ngoài mang hình ảnh bất lợi của một chính quyền chuyên chế và sẵn sàng phá vỡ các qui tắc, giao ước nếu cảm thấy quyền lợi hoặc quyền lực của mình bị đe dọa.

Khác với Trung Quốc, nơi sự chuyển biến của chính sách kinh tế xuất phát từ giới lãnh đạo chính trị, ở Ấn Độ khu vực tư nhân là lực đẩy các cải cách và phát triển kinh tế.

Có thể nói ở Trung Quốc cuộc "cách mạng" kinh tế là từ trên xuống, còn ở Ấn Độ là từ dưới đưa lên. Qua truyền thống đó, các doanh nghiệp Ấn Độ cũng năng động và linh hoạt trên thị trường quốc tế hơn.

Hệ thống ngân hàng của Ấn Độ cũng vững chắc và lành mạnh hơn. Tỷ lệ nợ xấu (*non-performing loans*) của các ngân hàng Ấn khoảng 10%, trong khi ở Trung Quốc chính thức là 20% nhưng theo nhiều người quan sát chắc chắn là cao hơn và ít ra là gấp đôi. Theo một nghiên cứu hàng năm của công ti kiểm toán Ernst&Young công bố đầu tháng 5.2006, số nợ xấu của riêng bốn ngân hàng lớn nhất Trung Quốc là 358 tỉ USD, tức là gấp đôi con số chính thức. Cộng với nợ xấu của các công ti đầu tư và cơ sở tín dụng khác, tổng số lên đến 911 tỉ USD, tuy đã có giảm so với trước đây. Ernst&Young đã phải công nhận bản nghiên cứu này có sai sót và rút lại sau khi bị Ngân hàng Trung ương Trung Quốc phản đối, nhưng sự thật chắc ít nhất cũng nằm đâu đó giữa những con số chính thức của Trung Quốc và ước tính của quan sát viên bên ngoài.

Vấn đề nhân lực cũng là một yếu tố quan trọng. Chính sách một con khiến vấn đề tỉ lệ người già trong dân số tăng lên đã đặt ra từ năm 1999, tức là Trung Quốc sẽ già trước khi giàu, một hiện tượng chưa từng có trong lịch sử. Tỷ lệ người trên 65 tuổi hiện nay là 7,7% so với 4,9% cách đây 20 năm, và theo dự đoán sẽ lên đến 24% vào năm 2050 nếu vẫn giữ chính sách này. Ngay từ bây giờ đã có hiện tượng thiếu nhân lực tại vùng châu thổ các sông Trường Giang và Châu Giang, nơi tập trung những hoạt động kỹ nghệ quan trọng nhất. Năm 2004, tỉnh Quảng Đông đã phải tăng 20% mức lương tối thiểu bắt buộc để thu hút công nhân từ các vùng khác. Lương công nhân cao hơn làm giảm lợi thế cạnh tranh, và đã có những công ti nước ngoài chuyển sang các nước khác như Việt Nam, nơi lương tháng một công nhân chỉ khoảng 50-60 USD, bằng một nửa ở Trung Quốc. Mặt khác, số người lao động giảm sẽ ảnh hưởng lên các hoạt động sản xuất, xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế.

Ngược lại, với một nửa dân số dưới 25 tuổi, Ấn Độ còn có thể tiếp tục dựa vào một lực lượng lao động trẻ và năng động trong nhiều năm tới. Tuy thua kém về chỉ số học vấn nói chung (chỉ 61% dân chúng biết đọc viết so với 90,9% tại Trung Quốc, tỉ lệ nhập học tiểu và trung học cũng thấp hơn, 62% so với 72%) nhưng trình độ giáo dục đại học và cao đẳng ở Ấn Độ cao hơn, nhất là trong các ngành kỹ thuật và quản lý. Mặt khác con số 300 triệu người Ấn, giai cấp trung lưu, thành thạo tiếng Anh cũng là lợi thế lớn so với Trung Quốc. Song Ấn Độ chỉ có thể khai thác những lợi điểm này nếu phát triển giáo dục cơ sở và phổ thông, và nhất là khắc phục nạn mù chữ còn tồn tại ở gần 40% dân chúng.

Mặt khác, cũng vì bắt đầu muộn hơn, Ấn Độ còn có một giới hạn phát triển dài hơn, trong khi Trung Quốc đã bắt đầu tiến gần đến giai đoạn một nền kinh tế thành thực. Chính vì Ấn Độ còn một tiềm năng khổng lồ và Trung Quốc đã và tiếp tục đạt những thành quả khổng lồ nên dư luận hay gắn liền hai nước, vừa nể sợ sự phát triển mãnh liệt này vừa băn khoăn về sức mạnh và những ý đồ của họ nếu họ liên kết chặt chẽ với nhau.

**Khi con voi và con rồng "bắt tay" nhau**

Trung Quốc và Ấn Độ là hai nước lớn, cùng có quá khứ hiển hách, cùng tự hào là có mấy ngàn năm văn hiến, là hai cái nôi của nhân loại. Hai thí dụ thường được nêu lên cho mỗi giao bang của họ từ những thế kỷ xa xưa là sự loan truyền của đạo Phật từ Ấn Độ sang Trung Hoa và con Đường Tơ lụa. Đây cũng là những điểm hay được nhắc đến, nhất là từ phía Trung Quốc, trong các tuyên bố cổ vũ cho sự hợp tác giữa hai nước. Trong chuyến đi thăm chính thức Ấn Độ tháng 11.2006, cao điểm của "Năm hữu nghị Ấn-Trung 2006", chủ tịch Hồ Cẩm Đào tuyên bố: "*Nếu Ấn Độ và Trung Quốc cùng làm việc với nhau, thế kỷ 21 sẽ thực sự là thế kỷ của châu Á*". Trước đó, ngày 6.7.2006, Trung Quốc và Ấn Độ đã long trọng tổ chức buổi lễ tái lập giao thông hàng hoá qua đèo Nathu La trên dãy Himalaya, ở biên giới giữa Tây Tạng và địa phương Sikkim của Ấn Độ. Đại sứ Trung Quốc tại Ấn Độ Sun Yuxi nói: "*Chúng tôi hi vọng việc mở lại con Đường Tơ lụa sẽ cải thiện hơn nữa quan hệ giữa hai nước*". Đèo Nathu La, ở toạ độ 4 545 mét, nằm trên con Đường Tơ lụa ngày xưa và đã bị bế tỏa trong suốt 44 năm, từ lúc xảy ra cuộc chiến tranh biên giới Ấn-Trung năm 1962, khiến cho khu vực Đông Bắc của Ấn Độ và Tây Nam của Trung Quốc này, xa xôi và lọt thỏm giữa núi non hiểm trở, đã trở thành vùng kém phát triển nhất của hai nước. Theo hãng tin kinh tế Bloomberg, khu vực này thật ra đầy hứa hẹn vì có trong lòng đất hơn 200 tỉ mét khối ga, 1,5 tỉ tấn dầu thô và 900 triệu tấn than. Địa thế cũng thuận lợi cho việc xây cất nhà máy thủy điện. Quyết định mở lại cửa khẩu Nathu La do đó không chỉ nằm trong bối cảnh tăng cường hợp tác hiện nay mà còn nhằm đáp ứng nhu cầu năng lượng của hai nước.

Quan hệ kinh tế thương mại Ấn-Trung tất nhiên bị chi phối bởi tình hình chính trị và ngoại giao lúc lên lúc xuống giữa hai nước. Cho đến thập niên 1990, các luồng thương mại giữa hai nước rất khiêm tốn, chỉ quanh quẩn 250 triệu USD một năm. Sau khi Ấn Độ cũng bắt đầu mở cửa và đẩy mạnh các quan hệ kinh tế với bên ngoài, trao đổi hàng hoá với Trung Quốc bắt đầu tăng nhưng cũng chưa tương xứng với tầm cỡ của mỗi bên. Chỉ từ năm 2000 trở đi thương mại Ấn-Trung mới phát triển mạnh, từ khoảng 3 tỉ USD năm 2000 lên đến 20 tỉ năm 2006, nhanh hơn dự tính của cả hai nước. Nhân chuyến thăm Ấn Độ tháng 4.2005 của thủ tướng Ôn Gia Bảo, hai nước đã tuyên bố đặt mục tiêu đưa thương mại song phương lên 20 tỉ USD năm 2008 và 30 tỉ năm 2010. Tuy thế, cán cân thương mại thuận lợi hơn cho Trung Quốc, và doanh nhân Ấn Độ than phiền là hàng Trung Quốc tràn ngập thị trường và cạnh tranh bất chính với hàng Ấn Độ không kể là chất lượng xấu hơn cùng loại hàng Trung Quốc bán cho các nước Tây phương. Nên không ngạc nhiên là trên 188 vụ kiện về bán phá giá (*dumping*) khởi tố ở Ấn Độ từ 1992, 89 vụ là nhắm các công ti Trung Quốc. Cũng vì thế Ấn Độ vẫn cương quyết không ban cho Trung Quốc quy chế kinh tế thị trường (*market economy status*) vì không muốn bị bó buộc phải dùng giá cả do Trung Quốc đưa ra để tính các biên độ phá giá.

Ấn Độ và Trung Quốc xích lại gần nhau cũng là vì cả hai nhận ra những lợi ích của hợp tác và những điểm họ bổ sung nhau. Trên một số mặt, cái mạnh của anh này là chỗ yếu của anh kia và ngược lại. Kết hợp lại, họ sẽ tăng sức mạnh cho nhau. Trong chuyến viếng thăm tháng 4.2005, thủ tướng Ôn Gia Bảo nói tại Bangalore: "*Nếu Ấn Độ và Trung Quốc hợp tác trong ngành tin học, chúng ta sẽ dẫn đầu thế giới*". Hoạ lại, thủ tướng Manmohan Singh cũng hồ hởi: "*Sát cánh với nhau, Ấn Độ và Trung Quốc có thể thay đổi cục diện thế giới*". Mỗi bên đều thấy ở bên kia những yếu tố thuận lợi cho cho

tham vọng bá chủ thiên hạ của mình, dầu là trong thâm tâm vẫn còn nghi kỵ và gờm nhau, chính vì biết rõ ý đồ của nhau.

Hai nền kinh tế Ấn-Trung đặc biệt bổ sung nhau ở những mặt sau đây: Trung Quốc mạnh về sản xuất hàng hoá và hạ tầng cơ sở, trong khi Ấn Độ rất kém về hạ tầng cơ sở nhưng lại mạnh về dịch vụ và công nghệ thông tin. Trung Quốc mạnh về phần cứng (máy móc, linh kiện), Ấn Độ mạnh về phần mềm. Trung Quốc mạnh hơn trên thị trường sản phẩm, còn Ấn Độ mạnh hơn trên thị trường tài chính. Nói tóm lại, "phân xưởng của thế giới" liên kết với "văn phòng của thế giới" sẽ là một khối vừa to vừa nặng, rất đáng ngại đối với các nước khác.

Cũng vì thế mà Ấn Độ và Trung Quốc, nhận rõ lợi ích của hoà hoãn thay vì xung đột, đã tuyên bố trong chuyến viếng thăm của thủ tướng Vaipayee tháng 6.2003 là hai nước sẽ hợp tác với nhau thay vì tranh giành để đến với những nguồn nguyên liệu và năng lượng cần thiết cho phát triển kinh tế. Gần đây hơn, tháng 11.2006, thủ tướng Manmohan Singh nói " *Thế giới đủ rộng để đáp ứng những khát vọng phát triển của Ấn Độ và Trung Quốc*". Trong tinh thần đó, hai nước đã ký kết nhiều hiệp định hợp tác thương mại, kinh tế, tài chính, giáo dục, và trao đổi văn hoá, khoa học kỹ thuật. Họ cũng đồng ý cố gắng tích cực hơn để giải quyết vấn đề tranh chấp biên giới vẫn còn để ngỏ cho tới nay.

#### *Hợp tác khoa học kỹ thuật*

Cho tới giữa thập niên 1990, hợp tác khoa học kỹ thuật giữa hai nước rất hạn chế, chỉ lỏng trong quan hệ song phương và đóng vai trò rất nhỏ. Ngoài lý do chung là cũng bị chi phối như mọi lãnh vực khác bởi những thăng trầm của mối bang giao, còn vì cho tới lúc ấy, trình độ khoa học kỹ thuật của cả hai nước còn thấp nên đối tượng hợp tác của họ là những nước khác, tiên tiến hơn.

Một điểm đáng để ý khác là cho đến cuối thập niên 1980, mọi hợp tác đều ở cấp nhà nước, và chỉ từ những năm 1990, khi các công ti tư nhân Ấn Độ thâm nhập thị trường Trung Quốc và đem vào kỹ thuật cùng với đầu tư, sự hợp tác khoa học kỹ thuật mới thật sự nảy nở và tiếp tục phát triển hiện nay. Có thể nói chuyến đi thăm Trung Quốc năm 1988 của thủ tướng Rajiv Gandhi là cái mốc khởi đầu. Ngoài giải toả một số hiểu lầm giữa hai nước, chuyến đi này cũng đánh dấu một sự chuyển hướng trong giới lãnh đạo Ấn Độ thời đó. Ông Gandhi rất thán phục những tiến bộ đạt được nhờ chính sách của Đặng Tiểu Bình, và mong muốn không những giải quyết vấn đề biên giới giữa hai nước mà còn hợp tác để Ấn Độ cũng phát triển như vậy. Có thể nói ý niệm này đặt nền tảng cho quan hệ giữa hai nước sau đó, dầu những vị lãnh đạo kế tiếp không quyết tâm bằng ông Gandhi. Một hiệp định đầu tiên dành riêng cho hợp tác khoa học kỹ thuật được ký kết năm 1989, tiếp theo là một số văn kiện những năm sau đó, đặc biệt là thoả thuận ký kết năm 1994 để hợp tác trong ngành dầu hoả, qua đó Ấn Độ cung cấp cho Trung Quốc những kỹ thuật chế biến dầu, ông dẫn dầu và giàn khoan ngoài khơi.

Vai trò của khu vực tư nhân cũng đáng nêu lên. Hiện có hơn 80 công ti Ấn lớn nhỏ hoạt động ở Trung Quốc, với doanh số ngày càng tăng, đa số thuộc về lãnh vực tin

học và tập trung ở Bắc Kinh, Thượng Hải, tỉnh Quảng Đông, một số rải rác ở các tỉnh Zhejiang (Chiết Giang), Jiangsu (Giang Tô) và Shaanxi (Thiểm Tây). Gần đây, dự án đầu tư 65 triệu USD của đại công ty dịch vụ phần mềm Infosys để thành lập cơ sở nghiên cứu và đào tạo tại Thượng Hải và Hangzhou (Hàng Châu) đã gây nhiều chấn động. Các công ty Trung Quốc cũng thâm nhập thị trường Ấn, đáng kể nhất là Huawei, Haier và Zhongxing Telecom Enterprise (ZTE), công ty truyền thông lớn nhất Trung Quốc. Yếu tố bổ sung giữa hai nền kinh tế Ấn-Trung thể hiện cụ thể ở đây: các phần mềm của Ấn tương ứng với máy móc của Trung Quốc. Tuy nhiên cũng có một sự khác biệt : các công ty Ấn vào Trung Quốc để phục vụ khách hàng địa phương, trong khi các công ty Trung Quốc vào Ấn để học hỏi kỹ thuật và bán dịch vụ trên thị trường quốc tế. Điều này cho thấy trong sự hợp tác cũng đã manh nha có sự cạnh tranh: Trung Quốc không chỉ dừng lại ở sản xuất máy móc linh kiện mà dự tính thâm nhập (và chiếm lĩnh) cả lãnh vực phần mềm. Hợp tác với Ấn Độ chính là bàn đạp để vươn lên cho mục tiêu ấy. Ngược lại, Ấn Độ cũng sẽ phải phát triển các công nghiệp sản phẩm, là những hoạt động cần nhiều nhân công, để giải quyết công ăn việc làm cho một lực lượng lao động đông đảo. Vì mục tiêu của hai bên cuối cùng tụ về một điểm, nên yếu tố bổ sung cho phép hợp tác vui vẻ hôm nay cũng sẽ nhường chỗ cho đụng đ chạm quyền lợi và cạnh tranh ráo riết ngày mai.

Công nghệ sinh học là một lãnh vực khác trong đó Trung Quốc và Ấn Độ cũng có những lợi thế khác nhau. Chẳng hạn cho hai áp dụng của công nghệ sinh học, Trung Quốc mạnh về nông nghiệp còn Ấn Độ mạnh về y học. Năm 2002, Trung Quốc đã thành công trong việc phân tách gen gạo và các nghiên cứu khoa học của Trung Quốc về gạo đạt trình độ của các nước phát triển. Trung Quốc hợp tác với những công ty sinh học quốc tế lớn như Monsanto, Amgen, Ecogen, Hoffmann-La Roche, và cũng đã thâm nhập thị trường Ấn Độ. Ngược lại, trong lãnh vực y học Ấn Độ vượt xa Trung Quốc, các công ty dược phẩm Ấn đã bắt đầu vào thị trường Trung Quốc để cạnh tranh với các đại công ty Tây phương : chi nhánh của Ranbaxy ở Quảng Đông có doanh số đạt 12,3 triệu USD năm 2003 và Reddy's Lab hoạt động ở Trung Quốc dưới tên Kushan Rotam Reddy Pharmaceutical.

So sánh thế mạnh của hai bên trong 7 lãnh vực khoa học kỹ thuật cho thấy Trung Quốc dẫn đầu trong 5 (máy móc điện tử, nghiên cứu gen gạo, công nghệ nông nghiệp, kỹ thuật không gian và kỹ thuật năng lượng) trong khi Ấn Độ chỉ mạnh hơn trong hai ngành tin học phần mềm và dược phẩm. So sánh 15 chỉ báo về lợi thế cạnh tranh (sáng tạo, đầu tư, thiết kế sản phẩm, hợp tác với các đại học, v.v), thì hai bên ngang ngửa nhau, Trung Quốc dẫn đầu cho 8 chỉ báo và Ấn Độ cho 7.

Với đà tiến triển hiện nay và trong tương lai về mặt khoa học kỹ thuật của Trung Quốc và Ấn Độ, các cơ hội hợp tác cũng sẽ tăng lên, tuy rằng sự cạnh tranh vẫn là một yếu tố lúc tiềm tàng lúc thể hiện ở đây.

### Hợp tác trong khuôn khổ WTO

Một điểm đáng ngạc nhiên là Trung Quốc mạnh gấp mấy lần Ấn Độ về thương mại nhưng lại lu mờ so với Ấn Độ trong khuôn khổ WTO. Nhóm G-4, gồm 4 thành viên quan trọng nhất của WTO thường họp riêng để giải quyết bế tắc của vòng đàm phán

Doha, qui tụ Mỹ và Liên hiệp châu Âu (đại diện cho các nước phát triển), Brasil và Ấn Độ (đại diện cho G-20, nhóm các nước đang phát triển), chứ không phải là Trung Quốc. Bộ trưởng thương mại và kỹ nghệ Kamal Nath của Ấn Độ xuất hiện hàng ngày trong báo chí chuyên môn, thường xuyên họp báo, tỏ thái độ. Trong khi đó, tuy hay được nêu như một trong những nước dẫn đầu G-20, ngoài một vài tuyên bố chung với Ấn Độ, Trung Quốc rất ít khi lên tiếng.

Ấn Độ là một thành viên sáng lập của WTO và Trung Quốc mới chỉ gia nhập cách đây 6 năm, nhưng đây không phải là lý do, tuy Trung Quốc vẫn nhún nhường nói mình là lính mới, còn phải quan sát và học hỏi thêm, để trả lời khi các tổng Giám Đốc WTO hay các đại diện thương mại Mỹ và Liên Hiệp châu Âu thỉnh thoảng vẫn kêu gọi Trung Quốc tham gia tích cực hơn thậm chí đóng vai trò lãnh đạo trong các cuộc đàm phán, để nhận trách nhiệm tương xứng với vị thế thương mại của mình.

Để hiểu lý do sự "thờ ơ" ấy phải nhắc lại sơ qua quan hệ của Trung Quốc với một tổ chức quốc tế lớn khác. Bắc Kinh mới chỉ tham gia Liên Hiệp Quốc từ năm 1971, sau khi "hất" Taiwan ra khỏi tổ chức. Cộng Hoà Trung Hoa là một trong những thành viên sáng lập Liên Hiệp Quốc và thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an từ năm 1945. Khi Đảng cộng sản Trung Quốc lên nắm chính quyền và tướng Tưởng Giới Thạch rút về Taiwan, Bắc Kinh tuyên bố mình chứ không phải Cộng Hoà Trung Hoa là chính quyền hợp pháp duy nhất của Trung Quốc. Nhưng Taiwan vẫn là đại diện của Trung Hoa ở Liên Hiệp Quốc vì những nỗ lực của Bắc Kinh để đòi lại ghế này đều bị Mỹ ngăn chặn. Từ thập niên 1960 trở đi các nước bạn của Trung Quốc hàng năm trình nghị quyết lên Đại hội đồng nhằm chuyển ghế của Taiwan cho Bắc Kinh, và mỗi năm Mỹ vẫn chặn được cho đến khi các nước mới độc lập gia nhập Liên Hiệp Quốc ngày càng đông khiến đa số Đại hội đồng không còn ngả sang Tây phương mà ngả về các nước bạn của Bắc Kinh. Cùng lúc, sau chuyến đi Bắc Kinh của tổng thống Nixon, Mỹ cũng xích lại gần Trung Quốc hơn. Kết quả là tháng 10.1971, Đại hội đồng thông qua nghị quyết 2758 công nhận Bắc Kinh là chính quyền hợp pháp duy nhất của Trung Quốc và trục xuất Taiwan ra khỏi tất cả các bộ phận của Liên Hiệp Quốc.

Tuy các nước bạn Trung Quốc chờ đợi là sau khi gia nhập Liên Hiệp Quốc, Bắc Kinh sẽ tích cực ủng hộ thế giới thứ ba, nhưng trong nhiều năm, Trung Quốc vẫn tương đối thụ động và chỉ lên tiếng khi thấy quyền lợi của mình bị đụng chạm: chẳng hạn trong những năm 1990, Trung Quốc đã dùng quyền phủ quyết để ngăn cản các hoạt động gìn giữ hoà bình ở Macedonia (năm 1999) và Guatemala (1996) vì các nước này vẫn còn giữ liên hệ với Taiwan. Thật ra Trung Quốc vẫn thích làm việc tay đôi với các nước khác, để dùng sức ép to lớn của mình, hơn là thấy uy thế phần nào bị loãng đi trong một tập thể các thành viên bình đẳng. Tham gia Liên Hiệp Quốc và WTO là điều tất yếu, để khẳng định vị trí của mình (và cho Taiwan ra chỗ khác chơi), nhưng có tính cách thực dụng (khai thác lợi ích) chứ không phải vì những lý tưởng cao cả, những triết lý cao siêu.

Ngược lại, triết lý và lý tưởng là lảng kính qua đó Ấn Độ nhận định vị thế và vai trò của mình. Ấn Độ cũng muốn, như Trung Quốc, làm bá chủ thế giới hay ít ra là đàn anh của một số nước, nhưng nhìn đó như một sứ mệnh cao cả. Ấn Độ lãnh đạo nhóm G-20 ở WTO ngày nay cũng như thủ tướng Jawaharlal Nehru khởi xướng và lãnh đạo

phong trào các nước không liên kết trong những năm 1950-1960. Ông Nehru là người lý tưởng, kêu gọi sống chung hoà bình, giải quyết những vấn đề của thế giới bằng bất bạo lực, trong truyền thống của một Đức Mahatma Gandhi được cả thế giới nể phục như lương tâm của một thời đại. Ngay từ khi giành được độc lập, Ấn Độ đã có hoài bão đóng vai trò chủ chốt tại châu Á và trên thế giới. Hoài bão này, oái oăm thay, bắt nguồn từ tư tưởng của một viên toàn quyền và phó vương, Lord Curzon, cai trị Ấn Độ khi nước này còn là thuộc địa của đế quốc Anh. Lord Curzon bị phê phán trong các sách sử của Ấn Độ vì đã quyết định cắt vùng Bengal khỏi lãnh thổ Ấn Độ, nhưng lại là cơ sở lý luận của những người mong muốn cho Ấn Độ một vị trí chóp bu ở châu Á. Ông đề cao các lợi thế của Ấn Độ : vị trí trung tâm, tài nguyên dồi dào, dân cư đông đảo, hải cảng sầm uất và sức mạnh quân sự. Lord Curzon gán cho Ấn Độ một tầm quan trọng chiến lược nhưng trong khuôn khổ quyền lợi của đế quốc Anh, song tư tưởng của ông phù hợp với quan điểm coi cả vùng Nam Á và Đông Nam Á như xoay quanh Ấn Độ. Quan điểm này vẫn thể hiện mạnh mẽ và rộng rãi trong nhiều giới ở Ấn Độ.

Như thế có thể hiểu tại sao hai nước lớn nhất châu Á, cùng kiêu ngạo như nhau, dẫu có khác trong phong cách, cùng nung nấu những khát vọng vượt xa bờ cõi lãnh thổ, cứ quay cuồng từ mấy chục năm nay trong một mối bang giao phức tạp, lúc bạn lúc thù. Thế giới đủ rộng để mỗi nước có thể sống nhưng rất nhỏ khi cả con voi lẫn con rồng đều muốn là mặt trời. Vì thế họ có bắt tay nhau thật đấy, và cũng thành thật muốn dựa vào nhau để lớn mạnh hơn nữa, nhưng chìa một tay thì vẫn không quên thủ tay kia để phòng vệ hay tấn công.

### **Khi con voi và con rồng đá chân nhau**

#### *Những chấn thương của lịch sử để lại*

Mọi quan hệ giữa Ấn Độ và Trung Quốc đều bị chi phối bởi vấn đề biên giới vẫn chưa giải quyết từ hơn 50 năm nay. Trung Quốc và Ấn Độ giáp nhau trên 3 550 cây số, được phân cách bởi dãy núi Himalaya hiểm trở và vùng cao nguyên Tây Tạng. Trong nhiều thế kỷ, Tây Tạng là vùng đệm giữa hai nước. Sau khi Trung Quốc chiếm Tây Tạng năm 1950, hai vùng đệm hiện nay là hai nước Nepal và Bhutan, nằm ở phía nam dãy Himalaya. Ba khu vực ngày nay vẫn là điểm nóng của sự xung đột giữa Ấn Độ và Trung Quốc : Aksai Chin ở tụ điểm của biên giới ba nước Pakistan, Ấn Độ và Trung Quốc, Arunachal Pradesh, ở sát biên giới Đông Bắc của Ấn Độ và Kashmir, ở Tây Bắc Ấn Độ.

Aksai Chin hiện thuộc quyền quản lý của Trung Quốc nhưng Ấn Độ coi như thuộc về mình và đòi lại. Ngược lại, Arunachal Pradesh là một tiểu bang của Ấn Độ nhưng Trung Quốc lại coi là thuộc về Tây Tạng và đòi Ấn Độ trả lại. Kashmir là vùng tranh chấp giữa Ấn Độ và Pakistan, mỗi bên chiếm một nửa và đòi bên kia phải trả phần còn lại. Mâu thuẫn giữa Ấn Độ và Trung Quốc ở Kashmir là vì Trung Quốc ủng hộ Pakistan.

Trong những thế kỷ trước Trung Quốc và Ấn Độ rất ít quan hệ vì địa lý cản trở. Khi hai nước giành độc lập và thoát khỏi ách ngoại bang vào cùng thời điểm, những đường biên giới do các nước thực dân ấn định trở thành đầu mối cho những xung đột có

khi dẫn đến chiến tranh. Bản tuyên ngôn độc lập năm 1947 cũng chia cắt lãnh thổ Ấn Độ thành hai nước Pakistan và Liên bang Ấn Độ. Một sự phân chia đẫm máu: từ 300 000 đến 500 000 người bị thảm sát trong các cuộc chém giết lẫn nhau của hai cộng đồng hồi giáo và ấn độ giáo, và từ 10 đến 15 triệu người di cư từ vùng này sang vùng kia. Sự chia cắt đất nước và ba cuộc chiến tranh Ấn Độ- Pakistan tiếp nối nhau (1947-1948, 1965, 1971) để giành giật vùng Kashmir vẫn là vết thương nhức nhối truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác tại Ấn Độ. Việc Trung Quốc ngay từ đầu và cho đến ngày nay luôn là đồng minh đặc lực của Pakistan chỉ có thể thêm một ung nhọt cho quan hệ đã căng thẳng giữa hai nước. Trung Quốc cũng không ngần ngại dùng Pakistan để cảnh báo Ấn Độ ngay cả những lúc hai bên vui vẻ với nhau nhất: ngay sau khi viếng thăm Ấn Độ tháng 11.2006, chủ tịch Hồ Cẩm Đào bay sang Pakistan, như để nhắc lại một trong những điểm bất di bất dịch của đường lối ngoại giao mình. Chính sách "tay đấm tay xoa" này cũng thể hiện qua việc đại sứ Trung Quốc tại Ấn Độ Sun Yuxi, chỉ một tuần trước khi ông Hồ Cẩm Đào sang, tuyên bố: "*Quan điểm của chúng tôi là toàn bộ tiểu bang Arunachal Pradesh thuộc lãnh thổ Trung Quốc. Chúng tôi đòi lại tất cả.*" Khiến cho bộ trưởng ngoại giao Ấn Pranab Mukherjee phải đối đáp lại: "*Arunachal là một bộ phận của Ấn Độ*".

Mâu thuẫn giữa Trung Quốc và Ấn Độ trong vùng Kashmir cũng không chỉ vì Pakistan mà còn vì một khu vực hai bên trực tiếp tranh giành nhau. Aksai Chin là một vùng đất rộng 38 000 cây số vuông, ở độ cao 5 000 thước, hoang vu và khô cằn, rất ít dân cư nhưng ở vị trí chiến lược giữa ba nước Pakistan, Ấn Độ và Trung Quốc. Aksai Chin ngày xưa thuộc về vương quốc Ladakh nhưng được sát nhập vào Ấn Độ thuộc đế quốc Anh khi Anh và Tây Tạng (lúc ấy còn độc lập) ký hiệp ước năm 1904, ấn định biên giới giữa Tây Tạng và Ấn Độ theo đường ranh giới Mac Mahon. Trung Quốc lúc ấy không công nhận Tây Tạng là nước độc lập nên cũng không công nhận đường Mac Mahon. Vì vị trí chiến lược của Aksai Chin, nằm trên quốc lộ 219 của Ấn Độ nối Tây Tạng và tỉnh Sinkiang (Tân Cương), Trung Quốc nhất định giữ quyền kiểm soát khu vực này.

Trung Quốc cũng đòi lại một khu vực rộng khoảng 82 000 cây số vuông ở Đông Bắc Ấn Độ hiện là tiểu bang Arunachal Pradesh nhưng Trung Quốc thường gọi là Zangnan (Tạng Nam). Arunachal Pradesh có hơn 1 triệu dân, đại đa số gốc Tây Tạng, Miến Điện và Thái, chỉ khoảng 15% là di dân từ các vùng khác của Ấn Độ, đặc biệt là hai tiểu bang lân cận Assam và Nagaland. Tại hội nghị Simla năm 1913-1914, thống đốc Anh Sir Henry Mac Mahon ấn định biên giới giữa Ấn Độ và Tây Tạng theo một đường ranh giới mệnh danh là "đường Mac Mahon" (*Mac Mahon Line*) nhằm mở rộng vùng kiểm soát của Anh và tạo ra một số vùng đệm. Các đại diện Anh và Tây Tạng tại hội nghị thông qua đường ranh giới này nhưng Trung Quốc chối từ ký hiệp định vì khẳng định Tây Tạng thuộc chủ quyền của mình và đường Mac Mahon vô giá trị. Năm 1950, thấy Trung Quốc sửa soạn chiếm Tây Tạng, Ấn Độ đơn phương ấn định biên giới theo đường Mac Mahon tuy Trung Quốc phản đối. Trong hơn 10 năm sau đó, vấn đề lắng dịu nhờ không khí hoà hoãn giữa hai nước, nhưng bùng lên trở lại với cuộc chiến tranh biên giới Ấn-Trung năm 1962. Trung Quốc kéo quân sang chiếm đa số khu vực này nhưng sau khi tuyên bố chiến thắng, rút trở lại sau đường Mac Mahon.

*Vấn đề Tây Tạng và chiến tranh biên giới năm 1962*

Sau khi lên nắm chính quyền, Mao Trạch Đông tuyên bố Tây Tạng thuộc về Trung Quốc và quyết tâm đặt Tây Tạng dưới quyền kiểm soát hành chính và quân sự của mình. Đối với Bắc Kinh, sự quan tâm của Ấn Độ đến vùng này là can thiệp vào nội bộ Trung Quốc. Tuy Ấn Độ thừa kế một số đặc quyền tại Tây Tạng từ thời còn thuộc về Anh Quốc, thủ tướng Nehru, để trấn an Trung Quốc, khẳng định Ấn Độ không có tham vọng chính trị hay đất đai gì ở Tây Tạng, và cũng không đòi hỏi đặc quyền gì ở đó, nhưng mong muốn duy trì các quyền lợi thương mại cổ hữu. Trước thái độ mềm mỏng đó, Trung Quốc yên tâm tiến hành mưu đồ của mình và tháng 10. 1950 đem 40 000 quân tấn công Tây Tạng cùng lúc ở 6 nơi. Chỉ trong hai ngày, quân đội Trung Quốc đã giết hơn một nửa quân đội nhỏ nhoi và non nớt của Tây Tạng, chỉ có 8 000 người. Ấn Độ tuy bàng hoàng và phần nộ cũng không làm được gì để ngăn cản bước tiến của Trung Quốc. Chính quyền Tây Tạng cầu cứu đến cộng đồng quốc tế và Liên Hiệp Quốc nhưng rồi cũng bị ép buộc ký với Bắc Kinh, tháng 5.1951, một hiệp định "17 điểm" trong đó Tây Tạng công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên lãnh thổ nhưng được duy trì hệ thống chính trị và xã hội của mình. Ngày 9.9.1951, 23 000 quân Trung Quốc tiến vào thủ đô Lhasa, mở đầu cho bi kịch của người dân Tây Tạng, còn kéo dài đến ngày nay. Chưa đầy một năm sau, Bắc Kinh bắt đầu siết chặt sự kiểm soát, áp đặt những biện pháp xoá bỏ các truyền thống văn hoá và xã hội của Tây Tạng và tăng cường đàn áp sự kháng cự. Tháng 3.1959, sau một cuộc nổi dậy thất bại ở Lhasa, Đức Đà Lai Lạt Ma và hàng ngàn người Tây Tạng phải bỏ xứ đến nương náu tại những vùng Tây Bắc của Ấn Độ, tập trung ở tiểu bang Himachal Pradesh. Giòng chảy những người tị nạn từ Tây Tạng đến tị nạn ở Ấn Độ không còn ào ạt như trong những năm đầu nhưng vẫn tiếp tục. Sự hiện diện của Đức Đà Lai Lạt Ma và một cộng đồng Tây Tạng ở Ấn Độ vẫn là một điều làm Trung Quốc khó chịu, dấu là tháng 6.2003, Ấn Độ đã chính thức công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên Tây Tạng và tuyên bố không hỗ trợ những hoạt động chống lại Trung Quốc của cộng đồng Tây Tạng tại Ấn Độ.

Việc Trung Quốc xâm chiếm Tây Tạng bằng vũ lực cũng là một đòn nặng đối với bản thân thủ tướng Nehru và thuyết sống chung hoà bình của ông. Tuy bị chỉ trích trong nội bộ là ngây thơ và yếu hèn, ông Nehru vẫn gắng gượng dĩ hoà vi quý vì tin rằng Ấn Độ cần phải hoà hảo với Trung Quốc để rảnh tay xây dựng kinh tế. Sau khi lập quan hệ ngoại giao với Bắc Kinh tháng 4.1950, Ấn Độ ký với Trung Quốc tháng 4.1954 một hiệp định về Tây Tạng và đặt nền tảng cho quan hệ giữa hai nước, trên cơ sở 5 nguyên tắc sống chung hoà bình (*Panchsheel*). Câu khẩu hiệu quen thuộc thời đó là "*Hindi-Chini bhai-bhai*" tức "Ấn Độ và Trung Quốc là anh em". Nhưng tình huynh đệ này cũng chỉ kéo dài được vài năm trước khi vỡ tan với cuộc chiến tranh biên giới năm 1962.

Cho đến ngày nay Trung Quốc và Ấn Độ vẫn còn bất đồng ngay cả về những lý do đưa tới chiến tranh và đổ lỗi cho nhau. Một điều chắc chắn là ở đây có nhiều yếu tố : tình hình Tây Tạng, vai trò Trung Quốc gán cho Ấn Độ trong cuộc nổi dậy ở Lhasa và nhất là việc Đức Đà Lai Lạt Ma chạy sang Ấn Độ; những đụng độ liên tiếp giữa các đội biên phòng của hai nước, và chính sách "tiến tới" (*Forward Policy*) của Ấn Độ thực hiện qua việc xây cát khoáng 60 tiền đồn trong đó 43 là ở phía bắc đường Mac Mahon, đối với Trung Quốc là bằng chứng của một mưu đồ bành trướng. Từ tháng 6.1962, các cuộc chạm súng leo thang thành chiến tranh thực thụ ngày 10.10.1962 khi quân đội Trung Quốc tràn sang Aksai Chin và Arunachal Pradesh, đánh bại các đội phòng vệ và tiến sâu

vào lãnh thổ Ấn Độ. Cuộc chiến bất quân bình giữa bên Trung Quốc, đông đảo và dày hơn, và bên Ấn ít kinh nghiệm và thiếu chuẩn bị, kết thúc chớp nhoáng, chỉ hơn một tháng sau, khi Trung Quốc tuyên bố chiến thắng và đơn phương ngừng bắn. Số tử trận và tù binh phía Trung Quốc không được thông báo còn phía Ấn Độ chết 1 383 người, bị bắt làm tù binh 3 968 người và mất tích 1 696 người. Chiến tranh chính thức chấm dứt khi Trung Quốc trả tù binh rồi rút về phía bên kia đường Mac Mahon. Một lý do tại sao Trung Quốc không "thừa thắng xông lên" mà tỏ ra rộng lượng biết điều là vì cùng lúc ấy, thế giới đang rúng động về vụ khủng hoảng tên lửa ở Cuba, khiến cuộc chiến tranh Ấn-Trung bị các nước Tây phương xem như một hành động gây hấn khác của khối Cộng sản. Tuy thắng thế dễ dàng nhưng Trung Quốc khôn ngoan hiểu là nên dừng lại ở đó và nhanh chóng giải quyết tranh chấp.

Cuộc chiến tranh biên giới đánh dấu một sự chuyển hướng triệt để trong đường lối ngoại giao và quân sự của Ấn Độ. Ông Nehru bị chỉ trích nặng nề là đã không đo lường được tình thế, chính sách hoà hảo với Trung Quốc và các lý thuyết sống chung hoà bình trên cơ sở bất bạo lực do ông đề xướng bị thực tế phủ nhận phũ phàng, và giấc mơ của ông xây dựng một trục Ấn Độ-Trung Quốc cùng nhau chế ngự châu Á tan như bong bóng. Ấn Độ rút ra cho mình bài học là phải xây dựng sức mạnh quân sự và tự bảo vệ nếu muốn có chỗ đứng trên thế giới, quay sang Liên Xô và bắt đầu ra sức trang bị vũ khí. Trung Quốc và Ấn Độ bước vào một thời kỳ lạnh nhạt và đối nghịch kéo dài cho đến cuối thập niên 1980.

Sự bại trận năm 1962 cũng là nỗi tủi hổ của người Ấn cho tới ngày nay và tiếp tục chi phối cái nhìn của Ấn Độ về Trung Quốc, nuôi dưỡng một tâm trạng phức tạp: mặc cảm, tự ái, nghi ngại và tị hiềm pha lẫn nề phục và thèm muốn. Nhiều nhà phân tích, kể cả người Ấn, nhận xét : "Trung Quốc là nỗi ám ảnh của Ấn Độ". Một ám ảnh đi đôi với một nỗi day dứt thường kỳ khác: được xem như một cường quốc, ít ra là trong khu vực, nếu không trên toàn thế giới. Đáp lại khát vọng này là thái độ kè cả, có khi khinh thường của Trung Quốc khiến cho Ấn Độ càng bức bối. Một thí dụ : khi ông Atal Bihari Vajpayee, lúc đó là bộ trưởng ngoại giao, đến thăm Trung Quốc tháng 2.1979, ông đã phải hấp tấp về sớm hơn một hôm vì Trung Quốc tấn công biên giới bắc của Việt Nam ngay lúc ấy và còn tuyên bố "sẽ cho Việt Nam một bài học như đã cho Ấn Độ một bài học năm 1962"! Một câu nói vừa gây căm phẫn trong dư luận Ấn Độ, vốn có nhiều cảm tình với Việt Nam và đã nhớ ngay đến kinh nghiệm của chính mình, vừa cho thấy Trung Quốc sẵn sàng "chơi cha" Ấn Độ, chẳng coi anh ta ra gì.

Cũng vì mong muốn xác định cương vị của mình trên thế giới nên Ấn Độ đòi hỏi tham gia Hội đồng bảo an Liên Hiệp Quốc với tư cách thành viên thường trực. Tuy Trung Quốc tuyên bố chính thức ủng hộ nguyện vọng này nhưng cho tới nay hồ sơ của Ấn Độ bị gắn liền với yêu cầu cùng mục đích của Nhật, mà Trung Quốc thì nhất định không cho Nhật tăng cường vai trò của mình, khiến Ấn Độ rất sốt ruột và bất bình.

Do đó không ngạc nhiên khi thấy đối với Ấn Độ, Trung Quốc là một sự nhức đầu kinh niên. Ngay cả việc chọn thái độ, cách đối xử với Trung Quốc cũng là một đề tài tranh cãi trong nội bộ Ấn Độ.

### Chọn thế đứng trước con rồng

Theo vài nhà phân tích, ở Ấn Độ có ba cách cảm nhận và phản ứng trước sự vươn lên và sức mạnh của Trung Quốc : một là thần phục và khiếp sợ và do đó nghĩ rằng cần phải cầu an với Trung Quốc; hai là coi Trung Quốc như mối đe dọa nhưng trong tương lai xa, cho nên phải tăng cường sức mạnh kinh tế và quân sự của để giao lưu với Trung Quốc hầu kèm chế và cân bằng ảnh hưởng (*check and balance*), và ba là coi Trung Quốc như mối đe dọa lớn và ngay trước mắt, và vì thế phải đối xử như Trung Quốc đã đối xử với Ấn Độ: áp dụng chính sách ngăn cản và bao vây (*containment-cum-encirclement*).

Trường phái thứ nhất là nhóm lobby ủng hộ Trung Quốc : các đảng viên đảng cộng sản, trí thức thiên tả, một số nhà báo, những người chống chiến tranh, chống hạt nhân, chống Mỹ và những người lý tưởng. Ngoài ra còn có một số doanh nhân làm ăn với Trung Quốc và những người cảm thấy gần gũi với Trung Quốc về chính trị hay ý thức hệ. Có lẽ tiêu biểu cho nhóm này là quốc vụ khanh đặc trách thương mại Jairam Ramesh, người đã chế ra từ "Chindia" để miêu tả viễn tượng một sự hợp tác khăng khít giữa Ấn Độ và Trung Quốc. Trong dịp chủ tịch Hồ Cẩm Đào thăm Ấn Độ tháng 11.2006, ông Ramesh tuyên bố trước Hiệp hội các công nghiệp Ấn Độ : "*Chúng ta có còn chạy đua gì nữa đâu. Họ đã ăn đứt chúng ta rồi*".

Trường phái thứ ba là nhóm điều hâu chống Trung Quốc, qui tụ một số trí thức dân tộc chủ nghĩa cực đoan và giới lãnh đạo quân sự. Không ít người Ấn, ngay cả giới trẻ, hoặc có thành kiến hoặc không biết mấy gì về Trung Quốc. Đối với họ Trung Quốc là đồng nghĩa với chiếm đóng Tây Tạng, xâm lăng Ấn Độ năm 1962, đồng lõa với kẻ thù truyền kiếp là Pakistan, mưu toan thôn tính nước họ.

Song đại đa số người Ấn thuộc vào trường phái thứ hai, họ là các viên chức nhà nước, đa số giới nhà báo và trí thức, các doanh nhân, và những người có cái nhìn thực tế và ôn hòa. Họ nhận thức được ảnh hưởng thuận lợi của các cải cách và bước tiến kinh tế của Trung Quốc trên châu Á và Ấn Độ nhưng cũng chia sẻ những quan tâm về chính sách quân sự của Trung Quốc. Họ hiểu là đối với Trung Quốc không thể cầu an mà cũng chẳng thể ngăn cản. Phần nào họ tiêu biểu cho thái độ chung của Ấn Độ trước Trung Quốc : hoan nghênh về kinh tế và băn khoăn về quốc phòng. Những thăng trầm trong quan hệ giữa hai nước là tùy theo khuynh hướng ngã về phía này hay phía kia, ưu tiên cho kinh tế hay ưu tiên cho quốc phòng.

### **Con voi, con rồng và thế giới còn lại**

Quan hệ song phương giữa Ấn Độ và Trung Quốc tất nhiên không thể tách rời khỏi bối cảnh tình hình chung của thế giới và những quan hệ của mỗi bên với những nước khác. Sự cạnh tranh giữa họ không chỉ thể hiện trong mối bang giao trực tiếp mà còn tiềm tàng hay rõ nét trong các quan hệ khác, song phương hoặc đa phương, của mỗi nước, biến thành quan hệ tay ba: các quan hệ Mỹ-Trung, Nhật-Trung, Nga-Trung, chẳng hạn, đều có yếu tố Ấn Độ lấp ló đâu đó và ngược lại trong các quan hệ Mỹ-Ấn, Nhật-Ấn, Việt-Ấn, v.v., yếu tố Trung Quốc cũng không xa. Các quan hệ Mỹ-Trung-Ấn, Nga-Trung-Ấn, Nhật-Trung-Ấn dĩ nhiên rất quan trọng nhưng quá phức tạp để có thể đề cập

trong phạm vi bài này. Ở đây, chỉ có thể nêu lên một vài điểm về ba địa bàn chính: vùng Nam Á và Đông Nam Á, là hai sân chơi truyền thống của Ấn Độ và Trung Quốc, và hai "trận địa" mới : miền Trung Á và châu Phi.

Hai điểm đáng được nêu lên trong bối cảnh chung các quan hệ tay ba của Ấn Độ và Trung Quốc: thứ nhất, ngay cả những lúc sát gần với Mỹ, Nga, Nhật hay nước khác hầu cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc, Ấn Độ cũng từ chối để nước ấy dùng mình như con bài chống lại Trung Quốc. Thứ nhì, Ấn Độ cũng như Trung Quốc đều muốn lần sân chơi của nhau, và nếu mỗi bên tranh thủ được các "chư hầu" của bên kia thì chính vì cả hai đều bị chur hầu của mình cảm nhận như một thế lực đe dọa, cần phải có đối trọng.

*Con rồng trong sân chơi của con voi*

Ấn Độ và Trung Quốc từ lâu tranh giành ảnh hưởng trong vùng Nam Á. Do vị trí địa lý của mình, Ấn Độ coi đây như sân chơi tự nhiên của mình và Trung Quốc chỉ là kẻ đứng ngoài. Song, sức mạnh và tầm vóc khổng lồ của Ấn Độ so với các nước nhỏ bé lân cận cũng làm họ e ngại và tìm cách tập hợp lại để có một hình thức đối trọng. Tổ chức Nam Á hợp tác khu vực (*South Asian Association for Regional Cooperation – SAARC*) được thành lập ngày 8. 12.1985, qui tụ Ấn Độ, Bangladesh, Bhutan, Maldives, Nepal, Pakistan, và Sri Lanka. Năm 2005, Afghanistan được mời tham gia theo đề nghị của Ấn Độ và chính thức là thành viên từ tháng 4.2007. Ngay từ đầu Trung Quốc chú ý đến SAARC và ngỏ ý muốn được có qui chế quan sát viên. Pakistan và Bangladesh ủng hộ, Ấn Độ không mặn mà lắm nhưng rồi cũng phải chấp thuận để Trung Quốc tham gia với tư cách quan sát viên cuối năm 2005. Tuy SAARC chỉ còn là nơi gặp gỡ và trao đổi hàng năm giữa các nước thành viên, vì bị vô hiệu hoá bởi sự đối nghịch giữa Ấn Độ và Pakistan, nhưng đối với Trung Quốc điều quan trọng là khẳng định sự hiện diện của mình trong khu vực và ảnh hưởng lên các nước Nam Á. Cùng lúc với các đầu tư của Trung Quốc ở Pakistan, Bangladesh, Sri Lanka và Nepal, thương mại của Trung Quốc với các nước ấy cũng phát triển, và đạt 20 tỉ USD năm 2005, tương đương với thương mại giữa Ấn Độ và họ. Pakistan, Bangladesh và Sri Lanka cũng ký kết với Trung Quốc những hiệp định hợp tác quốc phòng và chiến lược.

Song mối liên hệ giữa Trung Quốc và Myanmar mới làm Ấn Độ quan tâm nhất. Sau thời Mao, Trung Quốc bắt đầu sát gần lại với Myanmar, hai nước chính thức viếng thăm nhau, Ne Win đến Bắc Kinh tháng 4.1977 và Đặng Tiểu Bình đến Yangon tháng 1.1978. Myanmar cũng rút khỏi phong trào không liên kết tháng 9.1979, với lý do phong trào này ngày càng ngả về Liên Xô. Về mặt chiến lược, điều này có lợi cho Trung Quốc. Cùng lúc, quan hệ giữa Ấn Độ và Myanmar xấu đi, nhất là khi Ấn Độ ủng hộ sự can thiệp của Việt Nam vào Kampuchia năm 1979, trong khi Myanmar và Trung Quốc ủng hộ Khờ Me đỏ. Trong những năm gần đây, Trung Quốc tăng cường quan hệ với Myanmar: tân trang các cảng quân sự, giúp Myanmar lập căn cứ hải quân trên đảo Hianggyi và các đảo Coco, gần các đảo Andaman và Nicobar của Ấn Độ, và tại cảng Thiwala ở châu thổ sông Irrawaddy. Đáp lại, Yangon cho phép hải quân Trung Quốc xây dựng hệ thống Signal Intelligence (SIGINT) trên đảo Great Coco, chỉ cách Andaman vài dặm để kiểm soát tàu bè qua lại trong eo biển Malacca. Các hệ thống SIGINT và radar ở đây cũng cho phép Trung Quốc theo dõi các hoạt động hàng hải và thử nghiệm tên lửa của Ấn Độ ở bờ biển phía Tây. Ngoài ra, Trung Quốc xây một con đường nối Yangon với

miền nam Vân Nam, mở ra cho mình một con đường bộ trực tiếp đến Vịnh Bengal. Về mặt chiến lược, như thế Myanmar đã mở rộng vùng ảnh hưởng của Trung Quốc.

Trung Quốc càng có mặt ở Myanmar và Nam Á, Ấn Độ càng lo và sự quan tâm này cũng được các nước ASEAN chia sẻ. Trong thời buổi toàn cầu hoá, việc kết bạn tránh thù trên các đường hàng hải là tất yếu, không chỉ để bảo đảm thương mại mà còn để cùng ngăn ngừa các hoạt động buôn lậu, cướp biển hay buôn bán vũ khí, ma tuý. Đó là lý do chính ASEAN đồng ý cho Myanmar gia nhập năm 1997, để chặn bớt ảnh hưởng của Trung Quốc. Trong cùng mục đích, Ấn Độ cũng xích lại gần Myanmar: năm 1992, Ấn Độ quyết định áp dụng đường lối "giao lưu xây dựng" của ASEAN đối với chính quyền quân phiệt ở Yangon, không chống lại việc Myanmar xin trở lại phong trào không liên kết, và nhất là ký với Myanmar năm 2002 một dự án quan trọng nhằm xây một con đường xuyên qua Myanmar, nối liền Ấn Độ bằng đường bộ đến Thái Lan, và qua đó đến cả vùng biển Đông. Ngoài con đường dài 1 400 cây số này, Ấn Độ, Myanmar và Thái Lan còn có nhiều dự án khác, như xây cảng sâu ở Dawei ở Myanmar để phục vụ cả ba nước.

Myanmar là một thí dụ cụ thể của chiến lược cân bằng : Trung Quốc xây cảng ở Thiwala thì Ấn Độ xây cảng ở Dawei. Trung Quốc xây đường để đâm thẳng ra Ấn Độ Dương ư ? Ấn Độ cũng xây đường để đâm thẳng ra biển Đông, tức Nam Trung Quốc Hải như theo tên gọi quốc tế, một vùng Trung Quốc coi như sân chơi riêng của mình.

#### *Con voi trong sân chơi của con rồng*

Các nước Nam Á e ngại Ấn Độ bao nhiêu thì các nước Đông Nam Á cũng gồm Trung Quốc bấy nhiêu, nếu không muốn nói là còn hơn thế. Do đó, khi Ấn Độ khởi đầu chiến lược "Hướng Đông" (*Look East Strategy*) năm 1992 vừa để phát triển quan hệ kinh tế với Đông Nam Á, vừa để cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc trong vùng, họ sẵn sàng chào đón, nhất là từ khi Ấn Độ vươn lên vị trí một cường quốc kinh tế và quân sự. Ấn Độ đến với ASEAN cũng như Trung Quốc đến với SAARC, vì những động cơ kinh tế và chiến lược. Về mặt kinh tế, tất nhiên Ấn Độ không thể so sánh với Trung Quốc: cuối năm 2005, thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN đạt 130,4 tỉ USD trong khi con số tương đương của Ấn Độ chỉ là 18 tỉ, tuy là theo dự kiến sẽ tăng lên 30 tỉ năm 2007. Về mặt chiến lược, Ấn Độ khai thác sự nghi ngại cố hữu của các nước Đông Nam Á trước sức mạnh ngày càng lớn, sự tăng cường quân sự và những ý đồ bành trướng không che dấu của Trung Quốc. Nhiều nước trong vùng, đặc biệt là Indonesia, Phi Luật Tân và Việt Nam, vẫn còn tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc. Khác với những xung đột giữa Ấn Độ và các nước Nam Á, xoay quanh các biên giới trên đất liền, sự tranh chấp giữa các nước Đông Nam Á và Trung Quốc liên quan đến lãnh hải, như vấn đề Trường Sa và Hoàng Sa trong trường hợp Việt Nam, nên còn lồng thêm yếu tố chiến lược hàng hải đã nêu trên.

Cho đến đầu thập niên 1990, Ấn Độ và các nước ASEAN đối nghịch nhau trên nhiều điểm: quan hệ mật thiết với Liên Xô, việc Ấn Độ ủng hộ Việt Nam can thiệp ở Kampuchia tháng 12.1978 và Liên Xô đem quân vào Afghanistan tháng 12.1979, đều làm ASEAN bất bình. Song, từ sau khi Việt Nam rút quân khỏi Kampuchia và chiến tranh lạnh nói chung chấm dứt, không khí giữa Ấn Độ và ASEAN hoà dịu hơn. Cùng lúc, sự

chuyển biến của tương quan lực lượng giữa các cường quốc cũng làm các nước Đông Nam Á lo âu: Liên Xô tan rã, Mỹ chuyển trọng tâm sang vùng khác, cục diện chiến lược trong vùng thay đổi, ai sẽ nhảy ra lấp chỗ trống và chiếm ưu thế ? Diễn đàn khu vực ASEAN (*ASEAN Regional Forum – ARF*) được thành lập năm 1994, quy tụ 10 nước ASEAN và một số đối tác khác, như một phản ứng trước tình thế này. Một số nước Đông Nam Á, đặc biệt là Singapore, quan niệm cách tốt nhất để bảo vệ an ninh trong khu vực là khuyến khích các cường quốc tham gia tích cực để họ cân bằng nhau và không ai nổi trội quá. Diễn đàn ARF phục vụ cho mục đích đó. Năm 1996, Ấn Độ gia nhập ARF, sau khi đã được quy chế "đối tác đối thoại bộ phận" (*sectoral dialogue partner*) năm 1992 rồi "nâng cấp" lên "đối tác đối thoại toàn diện" (*full dialogue partner*) năm 1995, cho thấy quá trình sát gận rất nhanh của Ấn Độ và ASEAN. Gia nhập ARF, Ấn Độ gặp lại Trung Quốc, Mỹ, Nga, Liên hiệp châu Âu, đã tham gia ARF từ đầu với quy chế đối tác đối thoại, khẳng định chỗ đứng của mình giữa các cường quốc và như thề bảo với Trung Quốc "ở đâu có anh, ở đó có tôi !".

Quan hệ Ấn Độ-ASEAN ngày càng khăng khít, với những buổi họp thượng đỉnh hàng năm giữa hai bên. Năm 2002, Trung Quốc và ASEAN ký kết một hiệp định hợp tác kinh tế khung, bước đầu xây dựng một vùng tự do thương mại (FTA) cho năm 2010, thì Ấn Độ cũng ký với ASEAN cuối năm 2003 một hiệp ước khung để xây dựng một vùng FTA cho năm 2011.

Trong khuôn khổ chiến lược Hướng Đông, Ấn Độ cũng đề nghị thành lập một diễn đàn chung của các nước ven sông Cửu Long. Diễn đàn Hợp Tác Cửu Long-Ganga (*Mekong – Ganga Cooperation Forum – MGC*) được sáu nước Ấn Độ, Myanmar, Việt Nam, Lào, Campuchia và Thái Lan thông qua tại hội nghị ASEAN họp ở Bangkok tháng 7.2000 và ra đời với bản Tuyên bố Vientiane ngày 10.11.2000. Trước mắt, các nước tham gia sẽ hợp tác về du lịch, văn hóa và giáo dục, sau đó trong các lãnh vực giao thông, truyền thông và hạ tầng cơ sở. Đối với Ấn Độ, một lợi ích của MGC là tạo liên hệ giữa vùng Đông Bắc của Ấn Độ còn kém phát triển và các nước ven sông Cửu Long. Nhưng quan trọng nhất là các nước này là cửa ngõ đến với cả vùng Thái Bình Dương. Do đó không ngạc nhiên khi vài tháng trước khi bản Tuyên bố Vientiane được ký kết, Trung Quốc cũng ký tháng 4.2000 với Lào, Thái Lan và Myanmar một "Thỏa hiệp thủy vận trên sông Lan Thương-Cửu Long". Việt Nam, Campuchia và Ấn Độ không được mời tham gia. Trung Quốc cũng quan tâm như Ấn Độ đến sự phát triển của vùng lưu vực sông Cửu Long. Hơn thế nữa, vì ở thượng nguồn của con sông (gọi là Lancang tức Lan Thương), Trung Quốc coi cả vùng này như sân sau của mình.

Ở đây có thể nói thêm riêng về quan hệ Ấn-Việt, một trong những yếu tố quan trọng của chiến lược cân bằng ảnh hưởng của Ấn Độ đối với Trung Quốc.

#### *Con voi và con rồng (con) Việt Nam*

Quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc đã quá rõ không cần phải nhắc lại ở đây, song yếu tố Việt Nam trong sự tranh đua giữa Ấn Độ và Trung Quốc cũng đáng nêu lên.

Quan hệ Ấn-Việt đã có những năm 1950, đảng Quốc đại (*Congress Party*) nắm quyền khi Ấn Độ giành độc lập dần dà hình thành một chính sách ngoại giao chủ trương chống lại chủ nghĩa đế quốc, kinh tế và chính trị, ở mọi nơi và do đó ngay từ đầu đã có thiện cảm với Việt Nam. Tuy nhiên sự ủng hộ của Ấn Độ đối với Việt Minh không đi xa hơn các lời tuyên bố. Bằng việc mời hai phái đoàn từ Đông Dương sang dự Hội nghị quan hệ châu Á (*Asian Relations Conference*) tổ chức tại New Delhi tháng 4.1947, ông Nehru đã kín đáo phủ nhận khẳng định của ông Hồ Chí Minh là ông đại diện cho tất cả những người Việt Nam. Ấn Độ không chính thức công nhận chính quyền nào ở Đông Dương và giữ thái độ dè dặt vì chủ trương không liên kết với khối nào. Nhưng trước sự quốc tế hóa của cuộc chiến, Ấn Độ bỏ thế trung lập để tích cực vận động hoà bình. Ấn Độ không chính thức tham dự Hội nghị Genève về Đông Dương, họp từ 9.5 đến 21.7.1954, vì sự chống đối của Mỹ nhưng tích cực trong hậu trường đến nỗi thủ tướng Pháp Pierre Mendès-France nói "*hội nghị 10 nước này – 9 tại bàn họp cộng với Ấn Độ...*". Ấn Độ cũng tự hào là các hiệp định Genève lấy lại các nguyên tắc của Panchsheel: độc lập, trung lập, và không can thiệp từ bên ngoài. Hiệp định Genève vì thế phải thành công vì nếu không Panchsheel và ý đồ xây dựng một vùng hoà bình ở châu Á cũng sẽ thất bại. Ấn Độ cũng coi đây như một thành công về vang của đường lối ngoại giao của mình vì từ một nước phải đứng chầu rìa ở hội nghị đã trở thành nhân vật chủ chốt trong việc thi hành hiệp định. Một Ủy ban kiểm soát đình chiến (*International Control Commission – ICC*) được thành lập năm 1954, gồm 4 nước, Hungary và Ba Lan (đại diện cho khối xã hội chủ nghĩa), Canada và Indonesia (đại diện cho các nước chống cộng), đặt dưới quyền chủ toạ của Ấn Độ. Nhiệm vụ của Ủy ban là giám sát sự thi hành hiệp định và báo cáo những vi phạm qui định ngừng bắn.

Ủy ban ICC trên nguyên tắc trung lập nhưng cũng ngả về bên này hay bên kia tùy theo các thời kỳ. Từ 1954 đến 1959 (những năm Ấn Độ và Trung Quốc còn vui vẻ với nhau), ICC khiển trách Sài Gòn nhiều hơn Hà Nội rất nhiều: chẳng hạn từ ngày 11.8.1954 đến 31.1.1959, phái đoàn Ấn Độ chủ trì các buổi họp biểu quyết thuận lợi cho Bắc Việt trong 72% trường hợp. Ngoài khuôn khổ ICC, quan hệ của Ấn Độ với hai miền cũng rất khác nhau. Ngày 14.10.1954, ông Nehru viếng thăm Hà Nội, gặp gỡ ông Hồ Chí Minh trong không khí hồ hởi. Hai tuần sau, khi ông đến Sài Gòn, đón tiếp ông là những đoàn biểu tình chống lại chính sách sống chung hoà bình. Ngày kỷ niệm một năm ký kết hiệp định Genève trở thành "ngày quốc nhục" ở Nam Việt, dân chúng tấn công vào trụ sở ICC và hành hung các nhân viên, nhất là những người Ấn và Ba Lan, khiến dư luận ở Ấn Độ rất phẫn nộ.

Từ 1959 trở đi, quan hệ Ấn Độ-Trung Quốc ngày càng xấu đi, và khuynh hướng biểu quyết tại ICC cũng đảo ngược. Sau cuộc chiến tranh biên giới 1962, mọi hoạt động của Ấn Độ tại ICC đều bị chi phối bởi sự xung đột với Trung Quốc. Trong thời điểm ấy, đường lối của Ấn Độ cũng xê dịch tùy theo những lúc sát gằn lại với Liên Xô (nguồn cung cấp vũ khí) hay cần phải gượng nhẹ với Mỹ vì cần viện trợ trong những năm đói kém. Song từ năm 1971 trở đi, Ấn Độ ngả hẳn sang phía Liên Xô, nhất là sau khi tổng thống Nixon đến thăm Trung Quốc, và cũng chỉ trích quyết liệt hơn sự tham chiến của Mỹ. Tháng 1.1972, New Delhi và Hà Nội nâng cấp quan hệ ngoại giao của mình lên hàng đại sứ, trong khi Ấn Độ vẫn giữ quan hệ với Sài Gòn ở mức lãnh sự. Phản ứng của miền Nam rất dữ dội: biểu tình, đập phá trụ sở, chính quyền Sài Gòn từ chối gia hạn chiếu khán

của phái đoàn Ấn Độ. Hai ngày trước khi chiếu khán hết hiệu lực, Ủy ban ICC nhất trí quyết định dời phái đoàn Ấn Độ (tức là kể cả chủ tịch và tổng thư ký) ra Hà Nội. Một ủy ban ICC thứ nhì, gọi là ICCS (*International Commission of Control and Supervision*) được thành lập năm 1973, không có Ấn Độ.

Ấn Độ chào mừng các hiệp định Paris năm 1973, hoan nghênh Mỹ rút quân sau đó, và càng bày tỏ vui mừng trước chiến thắng của miền Bắc năm 1975. Từ đó đến nay, quan hệ Ấn-Việt càng thân tình nhất là vì Ấn Độ luôn luôn ủng hộ Việt Nam trong những lúc Hà Nội và Bắc Kinh căng thẳng, như khi Việt Nam can thiệp vào Kampuchia. Từ khi hoà nhập thế giới và phát triển mạnh mẽ, Việt Nam lại càng là một nước bạn đáng trân trọng đối với Ấn Độ. Quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước phát triển nhanh, nhất là trong những năm gần đây, từ chỉ 72 triệu USD năm 1995 lên hơn 1 tỉ USD năm 2006, và Ấn Độ là nước thứ 10 đầu tư lớn nhất ở Việt Nam. Tháng 10.2004, hai nước tổ chức trọng thể kỷ niệm 50 năm ngày gặp gỡ giữa ông Nehru và ông Hồ Chí Minh. Đầu tháng 7 vừa qua, thủ tướng Trần Tấn Dũng đi thăm chính thức Ấn Độ cùng với một đoàn doanh nhân, ký kết 8 văn kiện hợp tác trong nhiều lãnh vực: vận tải đường biển, năng lượng hạt nhân, trao đổi văn hoá và giáo dục, nông nghiệp và hải thuỷ sản. Hai bên thoả thuận tăng cường hợp tác trong lãnh vực an ninh quốc phòng, chính thức thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, "*đưa quan hệ hữu nghị truyền thống lên một tầm cao mới*".

Ngoài hai địa bàn truyền thống là Nam Á và Đông Nam Á, sự tan rã của Liên Xô cũng mở ra cho Ấn Độ và Trung Quốc một "trận địa" mới để cạnh tranh.

### *Con voi và con rồng trong sân chơi của con gấu*

Miền Trung Á, giàu có tài nguyên và nguồn năng lượng, rất hấp dẫn đối với cả Ấn Độ lẫn Trung Quốc. Ở đây Ấn Độ có lợi thế: các nước Trung Á, sau khi thoát khỏi bàn tay lông lá của con gấu Nga, chấp nhận Trung Quốc như một thế lực đối trọng nhưng cũng gồm các "thành tích" chiếm đóng Tây Tạng và Tân Cương của Bắc Kinh. Họ thấy Ấn Độ, với truyền thống không liên kết, là một đối tác ít vấn đề hơn và uy thế ngày càng tăng của Ấn Độ cũng cho phép cân bằng ảnh hưởng của cả Nga lẫn Trung Quốc. Mặt khác, họ chia sẻ những yếu tố địa lý, tiếng nói, đạo giáo, văn hoá và cả giống nòi của các cộng đồng hồi giáo Uyghur và Kazakh ở Tân Cương, vẫn tiếp tục bị Bắc Kinh đàn áp. Trong khi đó, Ấn Độ còn được thiện cảm của họ vì là đồng minh của Afghanistan chống lại các Taliban (được Pakistan giúp đỡ) và đã giới thiệu nước này vào SAARC.

Để đổi lại lợi thế của Ấn Độ, Trung Quốc xây trong vùng Baluchistan một cảng ở Gwadar, ven biển Ả Rập, giúp phương tiện giao thông cho các nước không có đường ra biển, kể cả Afghanistan. Ấn Độ trả đũa bằng cách xây cảng Chahbahar ở Iran để Afghanistan và các nước Trung Á có một hành lang hàng hải đến Vịnh Persia.

Trò chơi tấn công/phản công này còn vui hơn khi có Nga tham gia. Để loại các nước khác khỏi vùng Trung Á, Trung Quốc thành lập tháng 6.2001 Tổ chức hợp tác Thượng Hải (*Shanghai Cooperation Organization – SCO*), với sự tham gia của Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, Uzbekistan và Nga. Không hài lòng lắm khi thấy Trung Quốc lấn sân của mình, tháng 5.2005, Nga mời Ấn Độ tham gia SCO với tư cách

quan sát viên. Ngay lập tức, Trung Quốc kết nạp Pakistan làm quan sát viên, và bồi thêm một cú nữa, kéo luôn cả Iran vào để "quậy" còn xa hơn cả vùng Trung Á!

Song đối với Trung Quốc và Ấn Độ, nơi quan trọng nhất, cần phải tranh thủ và kéo về phần mình nhất, ở xa hơn một chút nữa: châu Phi.

### *Khi con voi và con rông đi safari*

Châu Phi là nơi thể hiện rõ nhất xu thế tiến đến một thế giới đa cực trong đó một cực mới, Trung Quốc, đã bắt đầu thay thế các cường quốc truyền thống trong vai trò kinh tế và ảnh hưởng chính trị.

Quan hệ giữa Trung Quốc và châu Phi đã có từ lâu lắm, theo sách vở từ thế kỷ 6, khi các nhà buôn Ả Rập đưa nô lệ da đen đến bán tại Quảng Đông. Từ thế kỷ 12 trở đi đã có những người từ các tỉnh Quảng Đông và Phúc Kiến đến lập nghiệp ven bờ biển phía Đông của châu Phi. Trong thời nhà Minh, đô đốc thái giám Zheng He (Trịnh Hoà), sau các cuộc thám hiểm năm 1413-1415, đem về Trung Quốc, ngoài nô lệ, các con thú lạ như hươu cao cổ và ngựa vằn. Nhưng phải đợi đến sau khi đảng cộng sản lên nắm chính quyền mới thật sự có bang giao giữa Trung Quốc và châu Phi. Mao Trạch Đông đứng lên hô hào ủng hộ thế giới thứ ba ở châu Phi sau thời thuộc địa, nhân danh phong trào không liên kết để cạnh tranh ảnh hưởng với Liên Xô. Đó là thời điểm Chu Ân Lai đưa khẩu hiệu "đoàn kết Á-Phi chống lại chủ nghĩa đế quốc". Trung Quốc đưa sang châu Phi hàng ngàn bác sĩ, đón nhận sinh viên Phi, xây dựng hệ thống đường sắt dài 1 860 cây số nối liền thủ đô Lusaka của Zambia với cảng Dar-es-Salaam của Tanzania. Trong những năm sau đó, châu Phi là nơi tranh đua với Liên Xô, nhất là từ sau chuyến đi của Nixon đến Bắc Kinh năm 1972 mở đầu một giai đoạn hoà dịu với Mỹ, cho phép Trung Quốc rảnh tay tăng cường quan hệ kinh tế với châu Phi.

Trong thời của Đặng Tiểu Bình và sau đó, Trung Quốc tập trung phát triển nội lực, quan hệ với châu Phi phần nào khựng lại. Song sự tan rã của khối Đông Âu và Liên Xô và sự tăng trưởng vũ bão của nền kinh tế Trung Quốc mở ra một thời kỳ mới. Châu Phi không còn chỉ là một mục tiêu địa lý chính trị mà là một kho tài nguyên khổng lồ cho con khát nguyên liệu và năng lượng của Trung Quốc. Quan hệ thương mại tăng rất nhanh: chỉ trong hơn 10 năm, các trao đổi hàng hoá giữa Trung Quốc và châu Phi đã tăng gấp 17 lần, từ 3 tỉ USD năm 1995 lên đến hơn 50 tỉ USD năm 2006 và theo tuyên bố của thủ tướng Ôn Gia Bảo sẽ đạt 100 tỉ USD năm 2010. Châu Phi cung cấp 30% lượng dầu hỏa nhập vào Trung Quốc, với 38,4 triệu tấn dầu năm 2005, tức khoảng 771 000 thùng một ngày. Sức nặng của Trung Quốc trong nền kinh tế của nhiều nước rất đáng kể: 70% số lượng dầu sản xuất tại Sudan là dành cho Trung Quốc, so với khoảng 10% năm 1995. Từ một con số gần với số không năm 1995, xuất khẩu của Burkina sang Trung Quốc, chủ yếu là sợi bông, hiện chiếm một phần ba tổng số xuất khẩu của nước này. Trung Quốc hiện là thị trường xuất khẩu thứ nhì của Angola, sau Mỹ.

Bị chỉ trích, nhất là từ phía Tây phương, là chỉ muốn lợi dụng châu Phi như một nguồn tài nguyên dồi dào và một thị trường to lớn để xuất khẩu ồ ạt hàng hoá của mình, Trung Quốc khẳng định là không hề có thái độ hay mưu đồ đế quốc hay thực dân mới gì, mà xây dựng mọi quan hệ trên cơ sở hai bên cùng có lợi, không can thiệp vào nội bộ

nhau, để cùng phát triển. Trong chuyến đi thăm nhiều nước châu Phi tháng 2 năm nay, ông Hồ Cẩm Đào cũng trấn an: "*Trung Quốc chưa bao giờ và sẽ không bao giờ áp đặt ý chí của mình hay những cách làm bất công lên các nước khác*" và nhắc lại là những hợp tác, giúp đỡ của Trung Quốc là vô điều kiện và tôn trọng độc lập chủ quyền của các nước khác. Ông quên không nói là muốn được gì của Trung Quốc đều phải tuân theo một điều kiện : cắt đứt liên hệ ngoại giao với Taiwan !

Trong ba ngày 3 -5.11.2006, Trung Quốc tổ chức trọng thể "Diễn đàn hợp tác Trung-Phi" (*Forum on China-Africa Cooperation*) với sự tham dự của 48 trên 53 nước châu Phi, 5 nước kia là những nước cuối cùng ở châu Phi còn công nhận Taiwan - Burkina Faso, Gambia, Malawi, Sao Tome-and-Principe và Swaziland – không tham dự tuy cũng được mời. Con số 48 nước này đủ cho thấy vai trò và ảnh hưởng ngày càng nổi trội của Bắc Kinh trên lục địa, so sánh với lèo tèo 17 nước châu Phi tham dự các "Ngày châu Âu cho phát triển" (*European Development Days*) tổ chức tại Bruxelles hai tuần sau đó, từ 13 đến 17.11.2006. Về nội dung, sự so sánh cũng rõ ràng thuận lợi cho Trung Quốc: trong khi, như các hội nghị thượng đỉnh Âu-Phi khác, cuộc hội họp ở Bruxelles chỉ kết thúc bằng những câu tuyên bố rầm rộ, những lời hứa suông hoặc kèm theo những điều kiện khó khăn đụng chạm đến quyền tự chủ của các nước châu Phi, ở Bắc Kinh các nước ra về với kết quả cụ thể trong tay. Các doanh nghiệp Trung Quốc và Phi châu ký kết 16 thoả thuận, trị giá tổng cộng 1,9 tỉ USD, trong đó có các dự án xây dựng hệ thống điện thoại cho nông thôn ở Ghana, xây dựng nhà máy aluminium ở Egypt và xa lộ ở Nigeria. Chủ tịch Hồ Cẩm Đào cũng tuyên bố nhân đôi viện trợ cho châu Phi từ nay đến 2009, cho vay 5 tỉ USD với điều kiện ưu đãi trong ba năm sắp đến, và xoá nợ cho các nước nghèo nhất. Trung Quốc cũng hứa đào tạo 15 000 chuyên gia Phi và thành lập 10 trung tâm kỹ thuật trong lãnh vực nông nghiệp, xây 30 bệnh viện và thành lập một quỹ bài trừ bệnh sốt rét với ngân sách khoảng 25 triệu USD.

Song diễn đàn này thật ra không phải là một buổi họp thượng đỉnh ở cấp lục địa mà là một số gặp gỡ riêng giữa Trung Quốc và các nước này. Theo đúng truyền thống của Trung Quốc, ưu tiên cho quan hệ tay đôi để khai thác tối đa vị thế của mình, mọi thương thuyết bàn bạc đều ở mức song phương và hoàn toàn không trong suốt, không nước nào được Trung Quốc cho biết đã đồng ý với các nước kia những gì, với điều kiện ra sao. Các con số của ông Hồ Cẩm Đào đưa ra đều là những tổng số và không cho thấy rõ chia cụ thể ra sao, và những nước nào được hưởng .

Tuy thế, những hào phóng này cũng đủ để nhiều nước châu Phi đặt mọi kỳ vọng vào Trung Quốc. Nhiều lãnh tụ Phi tuyên bố Trung Quốc mới là mô hình phát triển lý tưởng và thích hợp với họ, thay vì những nguyên tắc các nước Tây phương, đặc biệt Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế, đã áp đặt lên họ lâu nay. Họ so sánh cách làm thực tiễn của Trung Quốc, quyết định nhanh, thực hiện ngay, không bắt bẻ rắc rối, với thái độ kè cả, lên lớp dạy đời của các chính khách và chuyên gia Tây phương, những tính toán chi li, đòi hỏi về tôn trọng nhân quyền, chống tham nhũng, quản trị tốt (*good governance*) v.v. họ phải chấp nhận trước khi có được cứu trợ hay tín dụng được từ Tây phương. Họ sẵn sàng thay thế "Đồng thuận Washington" (*Washington Consensus*) bằng một "đồng thuận Bắc Kinh"!

Cũng vì thế mà các nước Tây phương và các tổ chức như Ngân hàng Thế giới chỉ trích cách làm của Trung Quốc ở châu Phi và báo động về những hậu quả có thể rất tai hại lên nền kinh tế các nước này. Họ trách Trung Quốc vô trách nhiệm khi cho vay dễ dãi để các nước châu Phi tha hồ nhập khẩu (hàng Trung Quốc) và trả lại bằng dầu, khiến một số nước còn quen lãng phí, quản lý tồi, sẽ bị đè bẹp trở lại bởi những món nợ họ không có khả năng chi trả. Những nỗ lực để giúp các nước nghèo thoát khỏi vòng nợ nần làm họ kiệt quệ như thế sẽ thành công cốc. Trung Quốc cũng cho vay với thế chân là tài nguyên, ngược lại với luật lệ quốc tế. Và nhất là khi núp sau khẩu hiệu "không can thiệp vào nội bộ nước khác", Trung Quốc bất chấp mọi nguyên tắc, mọi cố gắng của cộng đồng quốc tế để trong sạch hoá môi trường quốc tế và bảo vệ nhân quyền. Những chế độ độc tài và dã man như Soudan, thối nát và bất tài như Zimbabwe, nhờ Trung Quốc vẫn tồn tại và giữ được một cái thế bề ngoài.

Ngoài những quan tâm chính đáng vừa nêu, phản ứng của các nước Tây phương và các tổ chức quốc tế lớn ấy cũng thể hiện một sự lo âu trước viễn tượng ngày càng lu mờ và yếu thế trên một địa bàn vốn là sân chơi riêng của mình. Đây có thể là một ưu điểm cho Ấn Độ, còn hiện diện một cách kín đáo ở châu Phi, nên có thể lảng lảng tăng cường các hoạt động và mối quan hệ mà ít ai để ý đến. Với thị phần còn thấp, tham vọng ít lộ liễu hơn, và uy tín của một nước dám đối đầu, mặc cả tay đôi với các cường quốc thương mại ở WTO, Ấn Độ cũng có vẻ là một đối tác dễ chịu hơn. So với Trung Quốc, quan hệ thương mại giữa Ấn Độ và châu Phi còn rất khiêm tốn, tổng số nhập và xuất khẩu chỉ đạt 11,6 tỉ USD năm 2005 (Trung Quốc là 39,8 tỉ), nhưng cũng đã tăng lên so với con số 7,7 tỉ năm 1995, tuy rằng tăng chậm hơn Trung Quốc rất nhiều.

Cũng như Trung Quốc, Ấn Độ đến với châu Phi trước tiên là vì dầu hoả. Công ty quốc doanh Oil and Natural Gas Company (ONGC) đã ký kết trong những năm gần đây nhiều hợp đồng thăm dò mỏ dầu và dự án năng lượng khác tại Nigeria và Sudan. Các công ty khác như Indian Oil Corporation (IOC) và National Thermal Power Corporation (NTPC) cũng đầu tư vào các dự án thăm dò và lọc dầu ở Nigeria, Sudan và Côte d'Ivoire. Ngoài dầu hoả, Ấn Độ cũng chú ý đến các tài nguyên khác: các công ty Vendanta Resources đầu tư 750 triệu USD trong một dự án khai thác chì, Arcelor Mittal đầu tư 900 triệu USD vào một dự án quản lý hầm mỏ quặng sắt ở Liberia và 30 triệu USD vào một nhà máy luyện thép.

Các công ty Ấn Độ cũng tham gia đấu thầu các dự án xây dựng hạ tầng cơ sở, cung cấp trang thiết bị, xây đường xá, đường sắt, và mạng lưới điện. Nhưng điểm mạnh nhất của Ấn Độ là đào tạo kỹ thuật và cung cấp dược phẩm. Châu Phi là nơi có số người bị HIV/AIDS cao nhất thế giới không kể rất nhiều người mắc các bệnh truyền nhiễm khác, các công ty dược phẩm lớn của Ấn Độ có ở đây một thị trường lớn cho các thuốc chủng loại (*generic*) là sở trường của họ, để cạnh tranh với các đại công ty Tây phương, và những khả năng hợp tác nghiên cứu để chế tạo vacxin và tìm ra các phát minh khác.

Tuy còn bị Trung Quốc bỏ xa trên địa bàn này, nhưng vì nhắm cùng mục đích, với cùng đối tượng, để giành cho mình quyền lợi giống nhau, đến lúc nào đó Ấn Độ và Trung Quốc cũng sẽ đụng độ nhau như ở các địa bàn khác.

## Tạm kết luận

Tuy Trung quốc và Ấn Độ đang ở trong một chu kỳ giao hảo và hợp tác nhiều hơn là đối đầu, nhưng qua những sự kiện phân tích ở trên, có thể nghĩ rằng sự tranh đua giữa hai nước là điều tất yếu, thậm chí thuộc về bản chất của quan hệ của họ. Tuy họ nhận thức rất rõ tại sao họ nên chung sức, ở đâu và thế nào, để lớn mạnh hơn nữa, song tham vọng của mỗi bên, gia tài phức tạp và nặng nề của quá khứ, và cả những yếu tố tâm lý, mặc cảm tự tôn của bên này và mặc cảm tự ti của bên kia, khiến cho quan hệ của họ vẫn bị vấp đục bởi tính toán và ngờ vực. Một điều chắc chắn là diễn tiến của quan hệ này, tất nhiên với sự tác động của các mối quan hệ với và giữa các nước khác, sẽ có ảnh hưởng sâu rộng lên cục diện của châu Á và phần nào của cả thế giới.

Đỗ Tuyết Khanh  
Tháng 7.2007

## Tài liệu tham khảo

Batabyal, Anindya, "Balancing China in Asia: A Realist Assessment of India's Look East Strategy", *China Report*, 2006.

Bộ ngoại giao Việt Nam, "Đưa quan hệ hợp tác Việt Nam-Ấn Độ lên tầm cao mới", 12.7.2007, <http://www.mofa.gov.vn>

Gnesotto, Nicole and Grevi, Giovanni (eds), "*The New Global Puzzle, What World for the EU in 2025?*", Institute for Security (ISS), [www.iss.europa.eu](http://www.iss.europa.eu), Paris 2006.

Guihong, Zhang, "Sino-Indian Security Relations: Bilateral Issues, External Factors and Regional Implications", *South Asian Survey*, 2005.

Guihong, Zhang, "The Rise of China: India's Perceptions and Responses", *South Asian Survey*, 2006.

Higuera, Georgina, "India reta a China – Dos modelos de desarrollo diferentes para un propósito común: convertirse en las superpotencias del siglo XXI", *El Pais*, 23.4.2006.

Hong, Zhao, "India and China: Rivals or Partners in Southeast Asia?" *Contemporary South East Asia*, vol. 29, No 1, 2007.

Kochak, Anjani K., "Development Indices : A Comparative Study of India and China", *China Report*, 2006.

Malik, J.Mohan, "China-India Relations in the Post-Soviet Era: The Continuing Rivalry", *The China Quarterly*, 1995.

Mwega, Francis M., "*China, India and Africa: Prospects and Challenges*", paper presented at the AERC-AFDB International Conference on Accelerating Africa's Development Five Years into the Twenty-First Century, November 22-24, 2006, Tunis, Tunisia.

Naidu, Sanusha, "*India's African Relations: Playing Catch-up with the Dragon*", [www.globalization-africa.org/papers/84.pdf](http://www.globalization-africa.org/papers/84.pdf)

Nanga, Jean, "L'Afrique à l'heure du Forum social", *Inprecor*, décembre 2006-janvier 2007.

Niazi, Tarique, "Sino-Indian Rivalry for Pan-Asian Leadership", *China Brief*, Vol.6, No.4, 15.2.2006

Saint-Mezard, Isabelle, "*Les relations sino-indiennes depuis la fin des années 1990 : entre coopération et rivalité en Asie*", 2003, [www.reseau-asie.com](http://www.reseau-asie.com)

Sekhar, D.Varaprasad, "Science and Technology Cooperation between India and China", *International Studies*, 2005.

Thakur, Ramesh, "India's Vietnam Policy, 1946-1979", *Asian Survey*, vol. 19, No 10, 1979.

United Nations Development Programme, *Human Development Report 2006*, New York 2006.

Winters, L. Alan and Yusuf, Shahid (eds) , "*Dancing with Giants - China, India and the Global Economy*", copublication of the World Bank and the Institute of Policy Studies (Singapore), 2007.

World Trade Organization, *International Trade Statistics 2006*, Geneva, 2006.

Yuan, Jing-Dong, "*Building Trust between Asia's Rising Powers: Sino-Indian Relations after Hu's Visit*", [www.cap.lmu.de/download/2006/2006\\_Yuan.pdf](http://www.cap.lmu.de/download/2006/2006_Yuan.pdf).

Và các bản tin của AsiaTimes Online, BBC News, Bloomberg, DailyIndia.com, The International Herald Tribune, Les Echos, The Economist, The Financial Times, Khaleej Times.com, The Hindu, The Indian Express, el Pais, People's Daily Online, Le Monde, Le Temps, La Tribune, The Wall Street Journal, Washingtonpost.com, Xinhua News Agency, v.v.